**MỘT SỐ TÁC PHẨM NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH**

1. **Bài thơ *Bóng chữ* (Lê Đạt)**

*Chia xa rồi anh mới thấy em*

*Như một thời thơ thiếu nhỏ*

*Em về trắng đầy cong khung nhớ*

*Mưa mấy mùa*

*mây mấy độ thu*

*Vườn thức một mùi hoa đi vắng*

*Em vẫn đây mà em ở đâu*

*Chiều Âu Lâu*

*bóng chữ động chân cầu*

**- Về tác giả:**

**\*Vài nét về tiểu sử, cuộc đời**

+ Lê Đạt (10/9/1929 – 21/4/2008) tên thật là Đào Công Đạt, quê ở xã Á Lữ, Bắc Giang. Ông là gương mặt tiêu biểu trong làng văn thơ Việt Nam.

+ Ông tham gia kháng chiến chống Pháp và bắt đầu hoạt động văn học, trở thành hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam, một trong những trụ cột của phong trào Nhân văn - Giai phẩm, nhà thơ cách tân hàng đầu của nền thơ Việt Nam hiện đại vào nửa sau của TK XX.

+ Sau các tác phẩm nổi tiếng *Cha tôi*, *Bài thơ trên ghế đá*, *Ông bình vôi*,… do bị kỷ luật vào tháng 7.1958 vì tham gia Nhân văn - Giai phẩm, phải hơn 30 năm sau nhà thơ Lê Đạt mới có điều kiện công bố trở lại các tác phẩm của mình.

+ Năm 1988, ông được phục hồi tư cách hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Đến năm 2007, ông cùng với ba nhà thơ khác của phòng trào Nhân văn - Giai phẩm là Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán được nhận Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

**\* Quan niệm về thơ ca:**

- Theo Lê Đạt, thơ là một nghề, không những thế nó còn là một thứ nghiệp chướng, không thể dứt bỏ được. Ông coi làm thơ cần sự khổ luyện, kiên trì, lâu dài. Trong “Nghiệp thơ” Lê Đạt đã bày tỏ thẳng thắn: “Theo tôi thơ là một nghề. Đã là một nghề thì phải có kỉ luật lao động. Không nên thụ động thắp hương chờ mà phải chủ động gọi hứng đến. Công việc này đòi hỏi một kỉ luật nghiệt ngã và gian khổ”.

- Theo ông, lao động thơ là một thứ lao động thầm lặng, chán nản, đơn độc, vất vả”, là “sự giằng xé căng thẳng từ trong sâu thẳm tâm thức của thi nhân”. Đối với ông, chữ không chỉ đơn thuần là một kí hiệu giao tiếp mà như một sinh thể luôn cựa quậy, tràn đầy sức sống.

- Thơ đòi hỏi sự sáng tạo. Nhà thơ nếu không tạo ra được một “hành tinh” riêng về ngôn ngữ nghĩa là anh ta đã tự đánh mất sự hiện hữu của mình. Không có nhà thơ trẻ hoặc già mà chỉ có nhà thơ luôn tạo cho mình một “nội lực chữ” để tạo ra cho mình một thế giới “ngôn ngữ riêng”.

=> Quan niệm rất đúng đắn xuất phát từ ý thức sâu sắc, nghiêm túc về “nghề nghiệp” của mình.

**\* Đặc điểm phong cách thơ Lê Đạt:**

Quan niệm về thơ ca đã chi phối sâu sắc tới đặc điểm phong cách thơ Lê Đạt:

* Thơ Lê Đạt có độ nhòa mờ (về âm, về nghĩa, cái bóng của chất liệu). Độ nhòa mờ về nghĩa, những ý niệm rộng mở “vô ngạn” về nghĩa mà ông tạo ra không phải là ngẫu nhiên mà là công việc khổ sai, tử sinh với chữ. Chơi chữ chỉ là cái cớ, chơi nghĩa mới là cái cần chú ý hơn. Lúc này, nghĩa nhòa mờ, nghĩa trước hết để “do thám” những hiện thực khác cùng nhau đến trong những kí hiệu thơ ca. Lê Đạt bằng những nỗ lực của mình đã kiến thiết một lối thơ phát sinh nhiều nghĩa cùng lúc và phát nghĩa cả ở phần âm, phần vang, phần đệm của chữ.
* Tính *ngoan đồng* (sự hồn nhiên như trẻ thơ trong cảm nghiệm, tư duy, sáng tạo của nhà thơ) cho thấy một đặc điểm thực sự chi phối thành tựu, đức kiên nhẫn và khả năng sáng tạo đến cùng của một hồn thơ “cần rất nhiều văn hóa và khổ luyện để sống tự nhiên”. Nhà thơ tìm một “thi luận” khác lạ: tìm về nét “sơ sinh” của chữ, chất “ngọng nghịu” thánh thiện, sơ khai của chữ.
* Lê Đạt công khai bênh vực “quyền của con chữ”. Chữ với ông là một thân phận trải qua nhiều kiếp luân hồi với những kiếp sống khác nhau, từng có buổi nảy mầm tuyệt đẹp và trong sáng thuở ban sơ vừa hữu hạn vừa vô hạn.

**\* Vị trí của Lê Đạt với thơ ca hiện đại:**

- Lê Đạt và những người đồng hội đồng thuyền với ông từ giữa thế kỉ XX đã kiên quyết khởi lên một cuộc cách tân thơ Việt, đoạn tuyệt với Thơ mới, đi tìm những cách biểu hiện mới cho thơ, tạo lập những giá trị chuẩn mực mới của thơ”

- Lê Đạt trở lại với thi đàn sau gần 30 năm im tiếng là khắc ghi ngay ấn tượng của mình đối với giới thơ và công chúng yêu thơ. Lê Đạt của thời *Cha tôi* đã biết không cam chịu cảnh “Rũ đầu chết ngạt trong bùn/ Năm tháng mài mòn bao nhiêu khát vọng”. Lê Đạt của *Bài thơ trên ghế đá* đã biết yêu tự do cho mỗi cảm xúc, tư tưởng. Thơ ông thời kì này như một tiếng nổ đậm chất tiên phong cho một cuộc nhìn nhận cũng như tái tạo thơ ca. Không đến mức lập thành một cuộc cách mạng trong thi ca như Thơ mới nhưng có lẽ những quan niệm về thơ, đặc biệt là về chữ của ông đã mở rộng bao vẻ đẹp của thơ, đòi hỏi người ta phải trả cho chữ cái quyền sống tốt, một lối thơ “mờ nhòa” về ngữ nghĩa nhưng cũng vô hạn về ngữ nghĩa.

- 30 năm sau, tập thơ *Bóng chữ* ra đời, tuyên ngôn ấy trở nên rõ ràng hơn. Không kể lớp trẻ như ông, hoặc trẻ hơn ông thời trước đều bị kinh ngạc. Cách tư duy trong thơ của ông vẫn hiện đại vẫn mới mẻ đồng hành cùng lớp trẻ đầu thế kỉ XXI. Nó khiến người ta phải nhìn lại thơ bằng con mắt duy lí, ngoài sự thành kính, đam mê và cảm xúc.

**\* Về tác phẩm:**

**- Xuất xứ:** Bài thơ *Bóng chữ* nằm trong tập thơ cùng tên, xuất bản năm 1994.

+ Tập thơ này gồm 108 bài, phần nhiều là thơ ngắn, hai câu, năm mười câu, dăm bài dài nhất chỉ độ trăm câu, ra đời trong hoàn cảnh thơ Việt đang được “cởi trói”, đổi mới.

+ Nội dung tập *Bóng chữ* của Lê Đạt ghi lại lịch sử một đời người, qua buồn vui một cá nhân, giữa thăng trầm của dân tộc và trăn trở của một nghệ sĩ thường xuyên tra vấn ngôn ngữ. Xuyên suốt tập thơ là những cung bậc cảm xúc của thi nhân gắn liền với cuộc đời mình. Từ những kỉ niệm, những rung động của tuổi mới lớn cho đến những suy tư, chiêm nghiệm về cuộc đời, tất cả được thể hiện trong khung cảnh thiên nhiên gần gũi, quen thuộc của vùng đồng quê hay những đô thị đang ngày một đổi mới.

+ *Bóng chữ* là tác phẩm có tầm quan trọng trong đời thơ Lê Đạt. Nó là sản phẩm được chưng cất của hơn 30 năm lao động và sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ, là sự khẳng định của nhà thơ sau nhiều năm vắng bóng trên thi đàn. Tập thơ đã tạo nên những dư chấn và chắc chắn có những ảnh hưởng đáng kể cho thơ ca Việt Nam trong hiện tại và sau này.

Sử dụng kĩ năng **đọc chính xác, đọc diễn cảm** để bước đầu nhận biết được nghĩa của nhan đề, thể thơ, giọng điệu của bài thơ:

- **Nhan đề *Bóng chữ* vừa lạ lùng, vừa dồi dào sự lay động:**

*+“chữ”* ở đây chính là sự tồn tại của các kí tự

*+ “bóng chữ”* là ảnh chiếu, là sự hất loang những nét nghĩa ra bên ngoài vỏ ngôn từ để người đọc tự do suy ngẫm theo vốn hiểu của mỗi cá nhân.

=> “Bóng chữ” tức là hiểu nghĩa đằng sau ngôn từ.

+ Tuy nhiên, nói đến Lê Đạt - một *“phu chữ”* thì ý nghĩa nhan đề không chỉ dừng lại ở đó.

/ Đó là bóng dáng thương nhớ một thời đã qua nhưng chưa bao giờ lìa xa trong tâm tưởng tác giả.

/ *“Bóng chữ”* ấy là *“bóng nàng”* - nửa hư nửa thực; vừa như có thể kéo lại gần, vừa như lại quá diệu vợi, xa xôi.

=> Nhan đề ấy thực chất là sự tưởng niệm về một tình yêu dở dang, với “em”, một người con gái cụ thể nào đó, hay với “nàng thơ” của một thời đã xa.

- **Thể thơ:** Thể thơ tự do, có phần phóng khoáng. Bài thơ vỏn vẹn 49 tiếng, vừa mang hơi thở hiện đại, vừa đậm tính cô chắt trong thơ xưa tự ngàn đời.

- **Giọng điệu:** là sự pha trộn của cảm xúc, tuy vẻ ngoài nhẹ nhàng, thủ thỉ, tâm tình nhưng bên trong cuộn chứa rất nhiều trăn trở, day dứt, ám ảnh khôn nguôi.

Sử dụng kĩ **năng đọc chậm, đọc sáng tạo** để nhận biết được mạch cảm xúc của bài thơ:

**- Mạch cảm xúc**: Cảm xúc của nhân vật trữ tình đi từ những tiếc nuối trong muộn màng của một tình yêu dang dở, đến những nhớ nhung tràn trề, đắm say, rồi cảm giác chơi vơi, hẫng hụt, cuối cùng cảm xúc đọng lại trong nỗi ngậm ngùi, xa xót.

**Bước 2: Học sinh sử dụng kĩ năng đọc phân tích để đọc hiểu được nội dung bề sâu của bài thơ và vai trò của các hình thức trong việc thể hiện nội dung ấy.**

Khám phá nội dung bề sâu của bài thơ bao gồm cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình, thấy được cái tôi cá tính của nhà thơ, đồng thời khái quát hóa giá trị nội dung và nghệ thuật của toàn thi phẩm.

**\* “Bóng chữ” *- Sự tưởng niệm về một tình yêu dang dở:***

- Tín hiệu quá vãng hiện lên ngay ở câu mở đầu:

***Chia xa rồi anh mới thấy em***

/ Hai chữ “Chia xa” là khoảng cách không gian hay là khoảng cách tâm hồn?

/ Hai vần bằng “xa rồi” tiếp nối hai vần trắc “mới thấy” vừa nói được sự đối lập của cái hiện hữu với cái đã qua, vừa rưng rưng một niềm chua chát: khi mất đi điều quý giá, người ta mới biết mình từng có điều vô cùng đáng để trân trọng.

- Ba từ *“thời thiếu nhỏ”* trong câu thơ thứ hai rất lạ lùng, rất đa nghĩa. Thay vì tách một từ thành ba từ có nghĩa, Lê Đạt ghép ba từ có tính tương đồng về nghĩa tạo thành một tổ hợp từ đa nghĩa, đa dạng. Đó vừa là thời đã qua, vừa là sự thu hẹp dần về mức độ nhỏ, khuyết, vắng, xa ...

=> Khi liên kết hai câu thơ với nhau, câu thơ thứ hai có vẻ như rõ nghĩa hơn. Ta vô tình dùng tiếng cuối của câu thứ nhất làm chủ thể của câu thứ hai. Có thể hiểu thành:

*“Em như một thời thơ thiếu nhỏ”*

Đó là Em, Em cũng chính là Bóng Chữ. Bóng Em, Bóng Chữ, Bóng Ai?

- Đặc biệt, thứ quý giá để tạo nên chất men của thơ, chất nồng trong trái tim đập rộn yêu thương bản năng của nhân loại, đó là:

***“Em về trắng đầy cong khung nhớ”***

*+“trắng”* đồng nghĩa với “không”, với hư vô, với nhàm nhạt, thậm chí là “trắng quá nhìn không ra” (Hàn Mặc Tử)

+ Nhưng với cách dùng từ của Lê Đạt, tính từ *“trắng”* đứng trước tính từ *“đầy”,* tính từ *“nhớ”* và ở ngay sau động từ *“về”* thì câu thơ đã trở thành một sự kết hợp từ diệu kì: *Hình ảnh “Em” choán đầy trong niềm nhớ của thi nhân.*

=> Câu thơ vừa tha thiết, vừa đắm say.

+*“Khung nhớ”* là hình ảnh đẹp và hiếm, vừa cụ thể hóa sự dồn nén vô hạn của nhớ thương. Từ *“cong”* mang sắc thái mềm mại làm tiếng “khung” như mềm ra, ngọt ngào và gợi chất thơ đến lạ kì.

+ Hình tượng *“em”* đang đến hay đang đi? Em đến mang theo nỗi nhớ? Em đi để lại nỗi nhớ? Hay em ở đây mà nỗi nhớ vẫn tràn về *“đầy cong khung nhớ”?*

=> Dù hiểu theo cách nào, người đọc vẫn cảm nhận được một tình yêu nồng nàn, đắm say.

***- “Mưa mấy mùa***

***Mây mấy độ thu”***

+ Câu thơ tạo nên một sắc thái khá ngọt:

/ Các phụ âm “m” đặt liên tiếp cạnh nhau tạo âm hưởng mênh mang, chơi vơi của cảm xúc, của cõi lòng.

/*“Mây, mưa”* vốn là các từ thường được liên kết với nhau nhưng ở đây tác giả tách ra đứng độc lập ở 2 đầu dòng thơ riêng biệt.

=> Hai từ ấy chỉ sự xoay vần, tuần hoàn của thời gian: bao mùa đã qua, bao độ đã tới - duy chỉ có một thứ không đổi thay, không im ngủ đó là *nỗi nhớ em*. Và như vậy, “mưa mấy mùa”, “mây mấy độ thu” phải chăng chính là những đơn vị để “đo đếm” nỗi nhớ?

***- “Vườn thức một mùi hoa đi vắng”***

+ *“Vườn”:* một sự ẩn dụ ngọt ngào cho anh, cho nỗi nhớ cháy bỏng. Dù em đã xa, dù “mùi hoa đã đi vắng” nhưng chiếc kim la bàn tình yêu vẫn chỉ hướng về một phương: chính là “Em”.

+ Lời thơ gợi nhớ đến thơ của Xuân Quỳnh:

*“Dẫu xuôi về phương Bắc*

*Dẫu ngược về phương Nam*

*Nơi nào em cũng nghĩ*

*Hướng về anh một phương”*

Chỉ có khác nhau là lời tình tự của nhân vật trữ tình, còn điểm giống nhau đó là ở sự đắm say đến tha thiết, cảm động.

***- “Em vẫn đây mà em ở đâu?”*** Câu thơ gợi nhiều cách hiểu:

+ Người đã đi, nhưng ảnh hình và mùi hương vẫn còn vương vấn.  
 + Hay người vẫn đây, nhưng tâm hồn người lại quá đỗi xa xôi.

=> Chủ thể trữ tình cảm nhận được “em vẫn đây”, nhưng không thể thấy, không thể chạm vào. “Em” như ở khắp nơi, như mùi hoa lẩn khuất quanh vườn, nhưng chưa từng xuất hiện.

=> Đây là một câu hỏi không có lời đáp, chỉ vọng về một chút dư âm, ngân toả và buồn tha thiết: *“Em vẫn đây mà em ở đâu”* phải chăng còn có nghĩa là: em không còn nữa. Có lẽ bi kịch tình yêu chính là ở đây. Tất cả chỉ còn là sự diệu vợi, xa xôi; là quá vãng dù vẫn đắm say, thắm quyện, da diết nỗi nhớ.

***\*Hai câu thơ kết - dồn tụ tất cả cảm xúc bài thơ:***

***“Chiều Âu Lâu***

***Bóng chữ đọng chân cầu”***

* Hình ảnh *“Âu Lâu”* mang nhiều tầng nghĩa:

+ Quê hương của Lê Ðạt, một bến sông ở Yên Bái

+ Một mái lầu - một nơi hò hẹn

+ Chốn dừng chân trong giây phút của người du khách.

=> Phải chăng đó chính là bóng em, chợt đến rồi chợt đi, để lại nỗi nhớ thiết tha khôn cùng.

+ Từ ***“âu”*** còn có thể là âu lo, âu yếm. Nó vừa là ảo giác từ nỗi nhớ của một kẻ si tình vừa là sự từ bỏ của chính niềm say đắm ấy.

- Trong chiều Âu Lâu ấy, hình ảnh bóng em, hay bóng chữ ***“đọng”*** lại thành dòng kí ức như rễ cây luôn gắn vào cội đất - bóng em mãi được neo đậu chắc chắn trong trái tim chàng trai si tình Lê Đạt. Hai thanh bằng khép lại bài thơ vừa làm giọng trùng xuống, lắng đọng, vừa mở ra những ngân nga trong trái tim con người.

*Cả bài thơ, bởi làm nên từ bóng chữ, nên đã mở ra một thực tại khác vô cùng đắm say và thơ mộng giữa hai thực thể chữ và câu. Bóng chữ chao đảo giữa mộng và thực, giữa tục và thanh, giữa người và ảnh, giữa phôi pha và vĩnh cửu.*

**Bước 3: Tổng kết, đánh giá**

**- Nội dung:** “Bóng Chữ” không chỉ là một bài thơ 40 tiếng, mà còn là một *đời thơ*. Nếu nói về bài thơ, “bóng chữ” là bóng em, bóng người. Nếu nói về đời thơ, “bóng chữ” là nỗi ám ảnh chi phối và “làm khổ” Lê Đạt, cũng như làm những người yêu thơ luôn phải ngỡ ngàng khi đọc thơ ông.

**- Nghệ thuật:** Sáng tạo các từ ngữ, hình ảnh mới lạ, hấp dẫn.Kết cấu câu độc đáo, không có dấu ngắt câu giúp cảm xúc tự do tuôn trào mãnh liệt. Sử dụng câu hỏi tu từ không rõ lời đáp, khiến cho nỗi nhớ của chủ thể trữ tình càng thêm da diết, khôn nguôi, tạo sự ám ảnh trong lòng người đọc.

Sử dụng kĩ thuật **đọc sáng tạo** để có những đánh giá bước đầu về giá trị của bài thơ:

“Bóng chữ”, dung lượng thơ tuy không lớn nhưng sức chuyển tải ý nghĩa quả không giản đơn, dễ dàng. Lê Đạt đã thực sự để tang một tình yêu dang dở trong “Bóng chữ”. Ông đã hoàn toàn thành công khi vẽ lên tình yêu màu sắc của nhớ nhung trong một thế giới ảo ảnh. Nơi ấy, tình yêu là bóng, nỗi nhớ cũng là bóng. Tất cả đều là hư ảo, liêu trai, mong manh và không sắc màu.

*“Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành mật ngọt*

*Một mật ngọt thành đời vạn chuyến ong bay”*

(Chế lan Viên)

Với ngòi bút tinh tế, độc đáo cùng hành trình miệt mài, trăn trở tìm kiếm những giá trị nghệ thuật mới mẻ trong khu vườn cuộc đời, nhà thơ Lê Đạt đã để lại những dấu ấn riêng mới mẻ không thể trộn lẫn trên thi đàn văn học Việt Nam hiện đại.

1. BÀI THƠ : **KHÂM THIÊN**

**(Thơ)**

**Lưu Quang Vũ**

|  |  |
| --- | --- |
| những người chết trong đêm thân gãy nát  óc chảy ròng trên gạch  những người chết cháy đen miệng há mắt mở trừng  những xác vùi đẫm máu dưới cầu thang  tay chân vặn vẹo thịt xương  lòng ruột mắc trên dây điện  phố Khâm Thiên ầm ầm đổ sụp  tiếng người la khủng khiếp xé đêm dài    mặt trời lên trên bãi thây người  mặt giập vỡ ngực trần thủng hoác  những đống tóc gân đầu mình lẫn lộn  những xác tím bầm lạnh buốt sương đêm  bốn phía tiếng gào tiếng khóc tiếng rên  tiếng xẻng cuốc bới người trong gạch vụn  phố đông đúc thành bãi bằng đổ nát  không nhận ra những vỉa hè quen  xác người nằm ngổn ngang  báo đậy mặt, ruồi đậu bàn chân xám  bé ngẩng đầu ngơ ngác  bên xác anh xác chị xác mẹ cha  tôi đi như mù loà  đỡ em gái đập đầu ngã ngất  bà cụ phát điên vật mình ôm mặt  người mất tích đang tìm, người chết chẳng kịp chôn  xe nối xe sừng sững chở quan tài  đóng vội bằng mặt bàn, cánh cửa  phấn run rẩy ghi tên người xấu số  lên nắp quan tài xộc xệch chẳng bào sơn  quan tài trẻ thơ như những chiếc hòm con  những bát đĩa tủ giường tan vỡ  quần áo nát, gạo dầu ngùn ngụt lửa  sách vở dép giày vùi dưới hố sâu  tấm màn trắng xoá  xé chia nhau chít vội lên đầu  cả khu phố già đi hàng chục tuổi  những bó hương bên đường nghi ngút khói  những bó hương châm nát cả bầu trời  người trồng rau, chữa khoá, vá may  người nhặt củi, quét đường lam lũ  từ nay chung buổi giỗ  Bạch Mai Yên Viên Vọng Láng An Dương  phố đầy khăn tang  đêm không đèn tối mịt  chúng tôi ngồi bên nhau chờ cái chết  người các ô lên nằm ngủ vườn hoa  gió cuối mùa xót xa  thổi xoã tóc đoàn người chạy giặc  những dòng người kéo đi xé ruột  đội chiếu, ôm chăn, đeo làn, vác bọc  chút gia tài nghèo cực địu trên lưng  bao gia đình dắt díu chị bồng em  những quần áo khói bom lấm rách  những cụ già vịn nhau dò dẫm  máu ròng ròng trên những chiếc cáng thương   năm 72! Có thể thế được chăng  hãy mở mắt ra trông | vụ thảm sát xưa nay chưa từng có  năm trái đất phóng bao tàu vũ trụ  không nơi nào không nói đến tình thương  Ghéc-ni-ca cũng chẳng thảm thê bằng  vô nghĩa hết, Thánh kinh và máy tính  những pho sách, những dàn giao hưởng  ích gì đâu, khi bể máu dâng đầy  Ôi xấu xa, đê nhục lắm con người  lời không đủ để nói điều phẫn nộ  tôi muốn có phiên tòa cho tất cả  tôi vạch từng tên tôi gọi từng người  hãy đứng ra đây  các bà mẹ Mỹ  những dòng sữa đã nuôi bầy đồ tể  lời ru nào đã dạy chúng lớn khôn  những Kít-xinh-giơ và những Ních-sơn  ta nguyền rủa chúng mày cho đến chết  những kẻ nào đã gây ra tội ác  những kẻ nào để tội ác gây ra  những chính khách những nhà thơ  những bộ óc chế súng bom huỷ diệt  các tư tưởng cầm quyền các nước  lãnh tụ tối cao của mọi đảng trên đời  các ông kêu: vì hạnh phúc con người  nay con người chết đi  cái phúc ấy ai dùng được nữa!  chục chiếc B-52  không đổi được một trẻ nghèo Ngõ Chợ  không thể nhân danh bất-cứ-cái-gì  bắt máu vạn dân lành phải đổ  không thể chắp bình minh  bằng xương thịt những mặt người vỡ nát  ai tự xưng môi kề răng lạnh  ai khoác tặng chúng tôi vinh dự đẹp  các anh đón đưa nâng cốc chúc hoà bình  các anh quyên thuốc men các anh đi biểu tình  rồi thanh thản trồng hoa và câu cá  và tìm thấy lương tâm mình yên ả  trong nỗi đau quằn quại của chúng tôi  ta oán giận các người, đồ dối trá  loài người chung vai nhận tội ác này  anh và tôi, vâng, tôi nữa, cả tôi  chúng ta đã ngu tối đến nỗi  không che chở được mẹ già em dại  khỏi quả bom tàn bạo tự trời cao    muốn kết thúc thơ mình  bằng những lời tốt đẹp  nhưng lòng tôi làm sao tươi sáng được  khi máu bầm khắp nơi  dưới bát cơm trên trời trong cốc nước  đêm qua tôi đã chết  với hàng ngàn mạng người  từ than bụi tôi hiện hình trở lại  mang đau thương đến trọn cuộc đời  tôi sẽ xông vào mọi cuộc vui  mọi buổi lễ uy nghiêm  mọi bài ca lừa dối  mọi quên lãng mọi nụ cười dễ dãi  để nói về những xác chết cháy đen  để nói về  những xác chết cháy đen    kẻ làm chứng trung thành  trước phiên tòa lịch sử  giữa tột cùng đau khổ  đâu dám ngồi trau chuốt mỗi câu thơ  nhân danh cuộc sống, nói về cái chết  nhân danh niềm vui, nói về nước mắt  nhân danh tình yêu, tôi mãi mãi căm thù. |

**I. Tìm hiểu chung:**

**1. Tác giả:**

**a. Tiểu sử, con người:**

- Tiểu sử:

+ Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam, sinh ra và lớn lên ở huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, sớm bộc lộ thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật từ khi còn rất nhỏ.

+ Năm 1954, ông về sống và đi học ở Hà Nội.

+ Ông từng tham gia quân đội trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

+ Năm 1988, ông qua đời trong một vụ tai nạn.

- Con người: Lưu Quang Vũ là người nghệ sĩ tài hoa, luôn khát vọng sự sống, khát vọng cái đẹp, cái thiện và sự hoàn thiện nhân cách cho con người, cất lên trong những trang văn dạt dào rung cảm.

**b. Sự nghiệp sáng tác:**

- Tác phẩm tiêu biểu:

+ Kịch: *Sống mãi tuổi 17, Lời thề thứ 9, Hồn Trương Ba da hàng thịt*...

+ Thơ: *Tiếng Việt, Vườn trong phố, Bầy ong trong đêm sâu*...

**-** Đặc điểm sáng tác:

+ Lưu Quang Vũ thành công hơn cả ở thể loại kịch. Sáng tác của ông mang đậm tính hiện thực và tinh thần nhân văn, phản ánh xung đột trong cách sống và quan niệm sốngđể khẳng định nhân cách của con người, kết hợp nhuần nhuyễn các giá trị truyền thống với những mới mẻ, thời sự, giữa tiếng nói phê phán mạnh mẽ, quyết liệt và cảm hứng trữ tình lãng mạn.

+ Ở mảng thơ, thơ Lưu Quang Vũ không chỉ bay bổng, tài hoa mà còn giàu cảm xúc, trăn trở, khát khao, in đậm tuổi đời nhà thơ trong những năm tháng chiến tranh, những kí ức hậu chiến đầy biến động của nước nhà.

- Vị trí văn học sử: Lưu Quang Vũ là một trong những nhà thơ, nhà viết kịch tài năng nhất của văn học Việt Nam hiện đại.

**2. Tác phẩm:**

**2.1. Hoàn cảnh sáng tác:**

**-** Bài thơ được viết năm 1972, trong sự kiện Mỹ ném hàng loạt bom B52 xuống con phố Khâm Thiên - Hà Nội, hòng tàn phá thành phố, biến Hà Nội quay trở về thời kì đồ đá. Đây là sự kiện thương tâm, gây chấn động nhân loại. Chỉ trong 12 ngày đêm, khu phố bị san phẳng, hàng trăm người chết và bị thương, nhiều gia đình tiêu tán.

- Chứng kiến cảnh tượng thương tâm ấy, Lưu Quang Vũ đã sáng tác bài thơ như một lời tưởng niệm tới những người đã khuất, đồng thời lên án tội ác chiến tranh.

**2.2. Đề tài, cảm hứng**

- Đề tài: chiến tranh trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, với những vấn đề về sự sống và cái chết.

- Cảm hứng: đau thương, bi tráng trước những mất mát, thương đau của dân tộc.

**II. Đọc hiểu:**

**1. Hiện thực của phố Khâm Thiên sau trận ném bom:**

**a. Hình ảnh những người tử nạn:**

- *Cảnh người tử nạn vì chiến tranh:*

+ Bút pháp tả chân với các hình ảnh chân thực “thân gãy nát”, “óc chảy ròng trên gạch”, “người chết cháy đen miệng há mắt mở trừng”, “tay chân vặn vẹo thịt xương”, “lòng ruột mắc trên dây điện” đã diễn tả một cách rùng rợn đến gai người cảnh tượng chết chóc của phố Khâm Thiên. Người chết không còn được toàn vẹn. Cả không gian chìm trong không khí tuyệt vọng, hoang tàn.

+ Những câu thơ đã ghi trọn dấu ấn lịch sử: Chỉ trong 12 ngày đêm (từ ngày 18.12 – 29.12.1972), Mĩ đã sử dụng 441 lần chiếc B52 cùng hàng ngàn lần chiếc máy bay chiến thuật, ném hơn 10.000 tấn bom xuống Hà Nội. Phố Khâm Thiên bị bom B52 tàn phá dài trên 1km, gần 2.000 ngôi nhà, trường học, trạm xá bị phá sập, 287 người chết, 290 người bị thương.

- *Hình ảnh những người thân của người tử nạn:*

+ Những em bé, những cụ già là đối tượng cần được bảo vệ, cần được nâng niu và chăm sóc, bởi họ là quá khứ giàu truyền thống, là tương lai đang vẫy gọi. Nhưng tại phố Khâm Thiên, bé thơ đã thành mồ côi, hằn trong ánh mắt là nỗi đau mất người thân. Cụ già đã trở nên điên dại, bởi trong tay cụ là khung cảnh đổ nát với “*xác người nằm ngổn ngang/ báo đậy mặt, ruồi đậu bàn chân xám*”.

+ Đưa ra hình ảnh “em bé, cụ già”, Lưu Quang Vũ khẳng định: chiến tranh đã gây ra tội ác khủng khiếp, không chỉ với quá khứ, hiện tại mà cả với tương lai của một dân tộc.

**b. Hình ảnh đám tang tập thể:**

- *Hình ảnh đám tang:*

+ Hình ảnh chân thực “xe nối xe sừng sững chở quan tài” đã nói lên sự mất mát lớn lao của cuộc chiến.

+ Tác giả tiếp tục nhắc đến trẻ thơ, nhưng là “quan tài trẻ thơ như những chiếc hòm con”, càng cho thấy sự bi thương của số phận con người. Cái chết đối với những đứa trẻ chính là nỗi đau tàn khốc nhất, vì đó chỉ là những mầm non ngây thơ, nhưng đã sớm phải đón nhận hậu quả do tai vạ của người lớn.

+ Nghệ thuật dựng không gian chìm trong khói hương nghi ngút càng làm tăng thêm sự tang tác, tiêu điều của cảnh.

- *Hình ảnh những người dân di cư, lưu tán sau đám tang*:

+ Thủ pháp tả chân tiếp tục được sử dụng, khắc họa hình ảnh lưu tán đầy thương đau của những con người “đội chiếu, ôm chăn, đeo làn, vác bọc” bị bứt ra khỏi ngôi nhà của chính mình.

+ Hình ảnh những cụ già một lần nữa được lặp lại trong dáng vẻ “vịn nhau dò dẫm”, “máu ròng ròng trên những chiếc cáng thương” tô đậm nỗi đau của con người trong khoảnh khắc tội ác lịch sử diễn ra.

*Chốt ý:* Với lời văn, hình ảnh xác thực, Lưu Quang Vũ đã dựng lại khung cảnh của một sự kiện lịch sử có thật. Đó là hiện thực chiến tranh: không đẹp đẽ, hào nhoáng, không sung sức, thắng lợi mà chỉ là mất mát và bi kịch. Lưu Quang Vũ đã nhìn cuộc chiến đầy khắc khoải, đầy đau thương và tuyệt vọng, qua đó, để người đọc hiểu được một thời tàn khốc, một quá khứ đớn đau của dân tộc.

**2. Cảm xúc của nhà thơ trước hiện thực:**

**a. Tố cáo tội ác của kẻ thù:**

- *Lưu Quang Vũ đã thẳng thắn gọi tên tội ác*:

+ Với ông, cuộc ném bom của Mĩ ở Khâm Thiên là một “vụ thảm sát xưa nay chưa từng có”, thê thảm tận cùng mà bích họa Ghéc-ni-ca của thiên tài Picasso – bức tranh miêu tả nỗi kinh hoàng của ngôi làng Ghéc-ni-ca nhỏ bé khi phải chịu sự oanh tác của quân đội Phát xít – cũng không thể bằng. Bởi đây là cuộc thảm sát trên đất Việt Nam, với những người dân Việt Nam – những người như Lưu Quang Vũ, có thể là nhà thơ, là người lính, là chính khách... nhưng đã vĩnh viễn bị tước quyền sống.

+ Tuyên ngôn tình thương, tuyên ngôn nhân ái của Thánh kinh, nhạc luật hiền hòa của giao hưởng, sự thỏa thuê của công nghệ hiện đại cũng đã thành vô nghĩa.

+ Khi nhân loại đã ở năm 1972, đã thoát xa những mông muội, tối tăm của một thời Trung cổ, khi ánh sáng văn minh đang ngấp nghé trên bậc cửa thì thảm sát Khâm Thiên - “bể máu dâng đầy” chính là tội ác, là những xấu xa, đê nhục không thể lãng quên. Lưu Quang Vũ đã viết những dòng thơ này khi tuổi đời còn rất trẻ, viết với nỗi niềm đớn đau, bởi anh biết, sau đổ máu không phải là hạnh phúc mà là máu và nước mắt.

- *Ông chỉ mặt vạch tên kẻ gây ra tội ác và đồng lõa của chúng*:

+ Với giọng thơ đanh thép, đầy căm phẫn, nhà thơ đã kết tội, đã nguyền rủa những kẻ gây ra tội ác: Kít-xinh-giơ – Ngoại trưởng Mĩ; Ních-xơn – Tổng thống Mĩ. Họ đều là những người lãnh đạo, những người đứng đầu quốc gia, kêu gọi hạnh phúc, kêu gọi bình yên nhưng lại chế súng bom hủy diệt, tàn hại sự sống.

+ Nhà thơ cũng hờn oán những người tự xưng “môi kề răng lạnh”, những người đón đưa chúc hòa bình, “quyên thuốc men”, “đi biểu tình” và tìm thấy lương tâm yên ả trong chính nỗi đau của đồng bào Việt Nam. Tiếng nói tố cáo, tiếng nói phản chiến của Lưu Quang Vũ đã vang lên mạnh mẽ.

**b. Ý thức tự trách của tác giả - công dân:**

- *Nhà thơ tự dằn vặt, tự trách cứ bản thân*:

+ Trước thảm kịch của đồng bào, không ai có thể dửng dưng, lạnh nhạt. Ông khẳng định: “loài người chung vai nhận tội ác này/ anh và tôi, vâng, tôi nữa, cả tôi”

+ Đặc biệt với danh phận một người nghệ sĩ, nhà thơ càng cảm thấy đau xót trước cảnh tượng mất mát, tang thương. Ông dằn vặt “Không che chở được mẹ già em dại/ Khỏi quả bom tàn bạo tự trời cao”. Đây là tiếng lòng của con người mang nỗi đau dân tộc, mang nỗi bi thương không thể xóa mờ của đồng loại.

- Với ý thức trách nhiệm cao độ, Lưu Quang Vũ đã *tự nhận mình là chứng nhân lịch sử, là ngòi bút trung thành, tận tụy với nhân dân, đất nước, với công bằng – tình yêu – cuộc sống của nhân loại cần lao*:

+ Ông hiểu rằng, trước chiến tranh, con người không thể thờ ơ, không thể ngủ yên, không thể bình tĩnh với những lời thơ tụng ca tốt đẹp, không thể kết thúc với những lời thơ hoa mĩ. Tiếng thơ phải cất lên từ cuộc sống, phải là nỗi đau chung của cuộc đời, hòa nhập trong ngàn vạn mạng người, trong những xác chết cháy đen, tơi tả.

+ Nhất là thơ ông, không thể bình tĩnh, không thể dễ dãi với nụ cười mà phải là niềm đau: “để nói về những xác chết cháy đen/ để nói về/ những xác chết cháy đen”

*Chốt ý:* Trong dòng văn học cách mạng, khi thơ ca là những tiếng hát hào hùng cổ động chiến đấu, cổ động tinh thần và sức mạnh của đồng bào với niềm tin rực lửa về tương lai, về chiến thắng thì tiếng thơ bi thương thảm thiết, không né tránh hiện thực khốc liệt, tang thương của chiến tranh như Lưu Quang Vũ quả là một dấu hiệu mới mẻ, đưa thơ ca về gần với hiện thực đời sống con người. Nhờ những vần thơ của ông mà sự kiện Mĩ ném bom phố Khâm Thiên đã được lưu lại chân thực, ám ảnh, có sức truyền tải lớn trong tâm khảm của con người và các thế hệ mai sau.

**III. Tổng kết:**

**1. Nội dung:**

- Bài thơ là minh chứng lịch sử cho một quá khứ đau thương, tàn khốc của dân tộc. Hậu quả nó để lại là vô cùng to lớn, trở thành mảng kí ức không thể quên, nỗi đau lớn trong lòng dân tộc

- Qua bài thơ, tác giả tố cáo tội ác chiến tranh, bày tỏ sự căm phẫn trước những hành động máu lạnh của kẻ thù. Nhà thơ đồng thời thể hiện sự đau xót trước tình cảnh đồng bào, đó là tình thương đồng loại, tình thương của một công dân có trách nhiệm với cộng đồng.

**2. Nghệ thuật:**

- Thể thơ tự do

- Kết hợp các phương thức biểu đạt miêu tả, tự sự, biểu cảm

- Hình ảnh thơ chân thực, có sức ám ảnh cao

- Ngôn ngữ thơ giản dị, không cầu kì, hoa mỹ

- Giọng điệu xót xa, cay đắng, xen lẫn sự căm phẫn

**3. Truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* (Nguyễn Ngọc Tư)**

**Bước 1: Nhận biết văn bản**.

Cần sử dụng **kĩ năng đọc tích lũy** để nắm bắt các tri thức về tác giả, tác phẩm:

**\*Về tác giả:**

- Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 trong một gia đình nghèo ở xóm Bà Điều, Đầm Dơi, tận U Minh nơi miền đất Mũi. Chị từng có một tuổi thơ khá vất vả, vừa phải đi học, vừa phải làm việc nhà, việc ruộng vườn giúp gia đình. Sau khi học xong cấp 2, do gia đình gặp biến cố, kinh tế khó khăn, chị đã quyết định rời ghế nhà trường, sớm lao vào cuộc mưu sinh (làm văn thư cho tạp chí Bán đảo Cà Mau). Tuy vậy, Nguyễn Ngọc Tư vẫn không hề nản chí. Chị bắt đầu viết văn tại làng quê với sự động viên của người cha: “Nghĩ gì viết nấy, viết những gì con đã trải qua”. Đây có lẽ là một trong những duyên cớ khiến cô gái nhỏ nhắn, hiền hậu Nguyễn Ngọc Tư bén duyên với nghiệp viết lách.

- Là một cây bút trẻ, khỏe và có rất nhiều tiềm năng: Sau tập truyện ngắn *Ngọn đèn không tắt* (2002), tác phẩm đạt giải Nhất cuộc thi “Văn học tuổi 20 lần thứ 2” của Hội nhà văn TP.Hồ Chí Minh, tên tuổi của Nguyễn Ngọc Tư đã đến gần hơn với độc cả cả nước. Cũng từ đó nữ nhà văn đã đều đặn giới thiệu với độc giả những tập truyện ngắn đặc sắc khác nhau. Đặc biệt, sự ra đời của tập truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* năm 2005 đã giúp Nguyễn Ngọc Tư thật sự khẳng định được tên tuổi của mình trên văn đàn Việt Nam, đồng thời từng bước tiếp cận với độc giả trên thế giới.

- Bao trùm các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư là hiện thực cuộc sống con người trên mảnh đất Nam bộ với cánh đồng lúa mênh mông, những con sông uốn lượn hay những bờ kinh, con mương và vô số những đầm, đìa, rạch, xẻo...; những chợ nổi với ghe xuồng, sóng nước tấp nập…; những câu hò, điệu hát lên xuống theo từng con nước lớn, ròng; hay những bài vọng cổ buồn được cất lên từ những đoàn ca múa cải lương đang len lỏi mưu sinh tận trong những chợ quê nghèo… Sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư bao giờ cũng được triển khai trên cái nền của “bức tranh” sinh hoạt văn hóa ở làng quê Nam bộ độc đáo ấy, nói như nhà văn Nguyên Ngọc đó chính là *“không gian… của Nguyễn Ngọc Tư”*

- Nguyễn Ngọc Tư có một quan niệm sáng tác rất nhẹ nhàng mà nghiêm túc về nghề văn của mình.

+ Cho dù viết về mảng nào, lĩnh vực thể loại nào thì với chị điều quan trọng nhất vẫn là cảm xúc. Chị đã từng chia sẻ “… cứ lúc nào thấy xúc động, có nhu cầu viết, nếu không viết chắc tự tử mất thì Tư viết thôi”.

+ Với Nguyễn Ngọc Tư, nhà văn phải luôn là chính mình cho dù có những dư luận thậm chí trái chiều.

+ Chị cũng sớm cảm nhận và ý thức về sự khắc nghiệt của nghề văn, về sự cô đơn trong sáng tạo của người nghệ sĩ.

+ Là một nhà văn trẻ, Nguyễn Ngọc Tư luôn ý thức được rất rõ về trách nhiệm của người cầm bút, về nghề văn. Chị biết đó là một nghề không hề dễ dàng, trái lại “nhọc nhằn khủng khiếp”, một hành trình dài vô tận.

**\* Về tác phẩm**

- *Cánh đồng bất tận* in trong tập truyện ngắn cùng tên là thành công đặc biệt của Nguyễn Ngọc Tư trong việc miêu tả những *nỗi đau bất tận* làm quặn thắt lòng người. Đây được coi là một hiện tượng của năm 2005, đã tiêu tốn bao giấy mực của bạn đọc và các nhà nghiên cứu văn học. Dư luận nhiều chiều, khen có, chê có nhưng tác phẩm vẫn có một vị trí đáng mơ ước khi đem về cho Ngọc Tư nhiều giải thưởng cao. Gần đây nhất tập truyện ngắn *Cánh đồng bất tận* đã vượt qua các tác phẩm của 8 tác giả nữ quốc tế khác để giành giải thưởng Literaturpreis do Litprom (Hiệp hội quảng bá văn học châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh) bình chọn dựa trên việc xét các bản dịch tác phẩm nổi bật sang tiếng Đức của những tác giả nữ đương đại tiêu biểu trong khu vực.

- Bằng tác phẩm này, “Nguyễn Ngọc Tư đã có sự bứt phá rất ngoạn mục, tự vượt lên chính mình và tạo nên bất ngờ thú vị cho giới nhà văn…” (Hữu Thỉnh).

**Bước 2**: Đọc thông suốt để có ấn tượng toàn vẹn về tác phẩm, nắm bắt được nhan đề, bước đầu nhớ được cốt truyện qua các phần mở đầu, vận động, kết thúc với các tình tiết, sự kiện, biến cố cụ thể, hệ thống chi tiết đắt giá có liên quan đến nhân vật chính.

- Ý nghĩa nhan đề của tác phẩm: Nhan đề *Cánh đồng bất tận* rất giàu sức gợi:

+ Nghĩa thực: Những cánh đồng rộng lớn không có tên, không gian đặc trưng của miền tây Nam Bộ.

+ Nghĩa biểu tượng: Cánh đồng bất tận là một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng gợi lên không gian hun hút, mênh mang. Nơi đó có những kiếp người lầm lũi, vô tình với chính đồng loại mình.

=> Nhan đề chứa đựng nội dung, chủ đề tác phẩm đó là hiện thực cuộc sống bế tắc, tăm tối của con người cùng bài học nhân sinh sâu sắc.

**- Tóm tắt:**

Truyện kể về cuộc sống nay đây mai đó của một gia đình gồm người cha (ông Út Vũ) và hai đứa con (Nương và Điền) sau khi người mẹ đã bỏ đi theo một người đàn ông khác. Hận vợ phụ tình, ông Vũ đốt nhà, dắt con phiêu bạt trên chiếc ghe đi chăn vịt từ cánh đồng này đến cánh đồng khác. Thời gian thấm thoắt trôi, những cánh đồng mà cha con ông Vũ đi qua không sao kể xiết, nhưng nỗi hận trong lòng ông vẫn không thể nguôi ngoai. Nó khiến ông ngày càng trở nên cộc cằn và cáu gắt. Bao nhiêu bực dọc, bao nhiêu uất ức và căm hận của ông vì thế đều trút lên hai đứa con của mình và lên những người đàn bà mà ông gặp. Ông hận tất cả đàn bà. Ông để họ yêu mình và rồi lại bỏ rơi họ theo cách mà ông đã từng bị bỏ rơi.

Thế rồi sự xuất hiện của Sương, một cô gái điếm được chị em Nương cứu vớt đã mang lại chút không khí đầm ấm cho 2 đứa bé thiếu tình thương của cha mẹ, cho những bữa cơm của Nương và Điền thêm phần ấm áp và cho cuộc sống tinh thần của 2 chị em bớt tẻ nhạt. Tuy nhiên, đối với ông Vũ, sự xuất hiện của Sương càng khiến vết thương của ông thêm phần nhức nhối. Mặc cho ông Vũ lạnh lùng, cáu gắt, Sương đem lòng yêu ông. Cô làm tất cả để bảo vệ 3 cha con ông, kể cả việc “bán thân” để đổi lấy đàn vịt. Tuy nhiên, tình yêu ấy lại được đáp lại bằng sự chua chát và thái độ thù hận. Sương quyết định bỏ đi. Điền cũng bỏ nhà đi tìm Sương. Chỉ còn lại Nương và ông Vũ, tiếp tục cuộc hành trình cô độc trên những cánh đồng bất tận… Cho đến một ngày, khi trái tim của ông Út Vũ dần nguôi ngoai, tình thương của người cha quay về thế chỗ cho những hận thù thì một biến cố lớn lại ập đến cho gia đình ông Vũ, cho cô con gái tội nghiệp của ông…Trên “Cánh đồng Bất Tận”, con gái ông bị bọn côn đồ ăn cắp vịt cưỡng hiếp trước sự bất lực của người cha.

- Kết cấu: Câu chuyện mở ra bằng hình ảnh cánh đồng rộng với những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn, cùng với đó là hình ảnh một cô gái điếm sau cơn dập vùi, tơi tả. Kết thúc tác phẩm cũng là hình ảnh cánh đồng, mặt trời le lói ánh sáng, ai đó vãi từng chùm chim én lên cao, chúng cố chao liệng để khỏi phải rơi như lá, sau khi bi kịch một lần nữa ập đến với cha con Út Vũ. Đây là kiểu kết cấu đầu cuối tương ứng. Song không giống như kết thúc của một số tác phẩm văn học trước 1945 (*Hai đứa trẻ, Chí Phèo*...), kết cấu này không dừng lại ở cái nhìn bi quan, bế tắc về số phận con người. Cánh đồng là nơi mở đầu cũng là nơi kết thúc những bi kịch trong gia đình của Nương bởi họ đã nhận ra sự hận thù chỉ đem lại cho bản thân những nỗi khổ đau. Dưới ánh mặt trời le lói trên cánh đồng, nỗi sợ hãi về sự ra đời của một sinh linh nhỏ bé tràn ngập trong tâm trí Nương nhưng một ý nghĩ tươi sáng hơn cũng đã dần hình thành hướng cô đến một cuộc sống mới. “Phải ! Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn”. Kết thúc tác phẩm, nhà văn gieo một niềm tin vững chắc vào bản lĩnh của con người có thể đối mặt và vượt qua được thách thức của cuộc sống.

- Tình huống: Truyện xây dựng được một tình huống hấp dẫn, lôi cuốn, đó là tình huống “thắt nút”. Đây là dạng tình huống mà nhân vật chính trong các truyện ngắn thường gặp và bị tác động, bị ảnh hưởng bởi một sự cố, một biến cố bất ngờ xảy đến với cuộc đời họ. Trong truyện ngắn đó là sự việc Mẹ của Nương và Điền ngoại tình với một người đàn ông, sau đó bỏ nhà ra đi; cha của Nương và Điền tức giận đốt nhà và bắt đầu cuộc sống “du mục” rày đây mai đó trên những “cánh đồng bất tận”. Bi kịch về sau của Nương cũng bắt đầu từ đó.

**Bước 3:** Học sinh sử dụng kĩ năng đọc phân tích để đọc hiểu được nội dung bề sâu của tác phẩm thông qua hệ thống nhân vật trong dòng chảy của cốt truyện:

* **Sương:** “Phường làm đĩ”, một vũng lầy bất tận.

+ Xuất hiện ngay ở đầu câu chuyện trong cảnh tiều tụy, đáng thương vì bị cưỡng bức, bị đánh đập, được chị em Nương, Điền cứu vớt. *Môi chị sưng vểu ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cấu nhéo tím ngắt. Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu.*

**+** Vì kiếm tiền Sương sống bằng nghề buôn hương bán phấn: “Chị sống nhờ những món tiền họ cắm câu đêm đêm, bằng tiền bán lúa, dừa khô hay những buồng chuối chín...

+ Chính tấm chân tình của chị em Nương đã làm hồi sinh phần thiện tính trong con người Sương. Dường như chị được trở về với một con người hướng thiện, muốn sống một cuộc đời thật trong sạch cùng với gia đình này. Chị đã hy sinh để bảo vệ nguồn sống cho họ. Nhưng  dù chị có làm gì vẫn không rột rữa được hình hài một “con đĩ” trong mắt ông Út Vũ.

+ Rớt nước mắt trước sự lạnh lùng của Út Vũ, Sương chọn cách ra đi. Cuộc đời của chị sẽ đi đâu, về đâu, khi người ta luôn nhìn chị với ánh mắt coi thường, khinh bỉ. Đó là bi kịch của con người vì tiền mà đánh mất danh dự của bản thân, để trả giá bằng cuộc đời luôn bị phỉ báng.

=> Sương là hiện thân cho những số phận đàn bà trơ lì, tưởng như đã tha hoá, không còn chút danh dự và lương tâm. Nhưng ở đó người ta vẫn thấy sót lại ***vẻ đẹp con người***, ý thức về tự trọng, về nhân phẩm.

**- Út Vũ:** người nông dân nuôi vịt chạy đồng với bao ngang trái của cuộc đời, **một người cha đáng thương hơn đáng giận.**

+ Đối diện với nỗi đau đớn khi bị người vợ phản bội.

+ Trở nên tàn nhẫn, bất lực và tìm cách trốn chạy sự thực thông qua men rượu và đàn bà.

+ Không chỉ hận thù ghê gớm với tất cả đàn bà, ông còn trút sự căm phẫn của mình lên những đứa con, hành hạ chúng về cả thể xác lẫn tinh thần.

+ Cuối cùng nhân vật được thức tỉnh bằng một thảm kịch đau đớn xảy ra với chính đứa con gái của mình. Đứa con gái ấy trong nỗi đau tột cùng đã quên mất sự có mặt của “người cha” mà lại gọi tên thằng em trai tội nghiệp. Hai tiếng “Điền ơi!” thức tỉnh tình cảm cha con trong ông. Hành động ông “cởi cái áo trên người để đắp lên đứa con gái cho thấy tình thương và sự hối hận của người làm cha đã sống dậy.

***=>*** Nhân vật Út Vũ là nhân vật bi kịch. Những bi kịch đó là do chính bản thân người đàn ông chuốc lấy. Ông Vũ không mở lòng mình để đón nhận yêu thương khi rất nhiều hạnh phúc đang gần kề và không biết trân trọng những gì mình có để đến lúc sắp vụt mất rồi mới thảng thốt định hình yêu thương.

- **Điền và Nương** - những đứa trẻ với chuỗi ngày tăm tối bất tận.

+ Người mẹ bỏ đi khi Nương và Điền còn quá nhỏ. Chúng ngỡ ngàng trước cuộc sống rồi phải mạnh mẽ để thích nghi như những đứa trẻ mồ côi không có mẹ.

/ Với Điền kí ức về mẹ quá ít, nó chẳng hiểu thương mẹ phải ra sao: “Người ta thương mẹ ra làm sao? Mặt nó dãn ra, khi biết cây kẹp tóc, trái dừa tươi hay con cá thát lát… mà nó dành cho chị cũng giống như người ta vẫn thường dành cho mẹ. Và niềm nhớ lúc đi xa, nỗi khao khát được nằm gần, được dúi mũi mình vào da thịt người đó”.

/ Còn với Nương: “tôi không dám nhớ tới má, bởi ngay khi nghĩ đến má, lập tức hình ảnh ấy hiện ra. Theo đó là rực rỡ trên da thịt màu vải má tôi vừa đổi được”. Người mẹ ấy đã gây ra cho những đứa con mình một bi kịch của sự thiếu vắng tình thương, còn gì đau lòng hơn khi con không dám nhớ tới mẹ. Đau lòng hơn khi càng lớn Nương càng giống mẹ, nó đã gieo lên nỗi nhớ má trong lòng Điền và nỗi hận thù trong lòng ba. Tuổi của Nương đáng lẽ phải được học tập, vui đùa, sống vô tư, hồn nhiên như cây cỏ, thế nhưng hàng ngày Nương phải cố để thay đổi chính mình, hàng ngày phải sống trong nỗi đau đớn về cả tinh thần lẫn thể xác: “Những thói quen, những cái gì liên quan đến má tôi phủi gần sạch rồi, nhưng tôi làm sao có thể từ bỏ hình hài này. Tôi đành để cha đánh mắng để ông bớt đau chút lòng”.

/ Có lúc sự thiếu thốn tình thương của hai đứa trẻ này mà độc giả không khỏi xót xa lòng: “phải chi ông nầy là ông nội mình... Nghe câu đó tôi bổng thấy mình nghèo rơi, nghèo rớt đến nỗi không có… ông nội để thương”. Chúng tập sống lạnh lùng và vô cảm để không bị những trận đòn roi, chẳng dám yêu thương ai vì sợ không nỡ chia lìa: “Sống đời mục đồng, chúng tôi buộc mình đừng yêu thương, quyến luyến bất cứ ai, để khỏi ngậm ngùi, để lòng dửng dưng khi cuốn lều, nhổ sào đi sang cánh đồng khác, dòng kinh khác”.

+ Không có mẹ, cha lại lạnh lùng, chúng tự học tất cả, dù mỗi bài học đều có cái giá của nó. Để rồi như những cây hoang dại, chúng lớn lên bằng nghị lực: “Nhìn bướm bay, nhìn mây tôi biết ngày nắng hay mưa. Nghe bìm bịp kêu chúng tôi biết nước lên. Dừng ghe ở tuyến kênh nào, thằng Điền trèo lên ngọn cây cao, ngó bao quát cánh đồng và tính toán xem có thể cầm vịt ở đâu bao nhiêu lâu thì hết thức ăn…”. Thiếu vắng tình thương: “chị em tôi học cách yêu thương đàn vịt hy vọng sẽ không bị đau như yêu thương một con người nào đó. Nhiều khi nhìn thằng Điền dỏng tai coi mấy con vịt nói cái gì, tôi giật mình”.

/ Bi kịch thiếu vắng tình thương đã làm Điền trở thành một cây hoang, vươn mình đứng thẳng, nó đầy nghị lực. Thiếu vắng một vòng tay người mẹ để chăm chút, chỉ bảo khi đến tuổi trưởng thành: “Điền chối bỏ niềm vui được trở thành một người đàn ông thực thụ. Nó tự kìm hãm bản băng trỗi dậy mạnh mẽ ở tuổi dậy thì bằng tất cả sự miệt thị, giận dữ, căm thù. Nó phản kháng bằng cách trút sạch những gì cha tôi có, cha tôi làm”. Và bi kịch hơn khi Nương nhận ra rằng: “tôi cảm giác sự đổ vỡ khi Điền theo đuổi chị, và chị thì chạy theo cha”. Khi Sương ra đi, Điền đã chạy theo để kiếm tìm, liệu rồi Điền sẽ đi về đâu với tuổi đời còn quá trẻ. Và rồi có phải chăng là những bi kịch lại xuất hiện.

/ Với Nương bi kịch luôn đeo bám nhân vật này, vui chẳng dám cười, buồn chẳng dám khóc. Thiếu vắng tình thương nó không biết phải xoay sở thế nào cho lần kinh nguyệt đầu tiên; “máu chảy giữa hai đùi không tạnh được, tôi thụp xuống, bụm chỗ ấy lại,máu chảy từ từ qua kẽ tay, tôi thấy mình rỗng ra, tái nhợt, chết dần”. Cái kết của nhân vật này càng đáng thương hơn, bao nhiêu khổ hạnh trên cõi đời mà đấng sinh thành gây ra Nương phải gánh chịu. Nương bị hãm hiếp trước mặt cha, thế nhưng bao nhiêu nghị lực mà Nương tạo ra cho mình đã không khiến cô gục ngã, Nương nghĩ đến việc đặt tên cho những đứa con nếu nàng có thai “đứa bé đó, nhất định nó sẽ đặt tên là Thương, là Nhớ hay Dịu, Xuyến, Hường… đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn”. Những câu nói ấy của Nương chính là niềm tin và nghị lực, Nương không muốn con mình sẽ sống đời mục đồng, nó sẽ có mẹ, nó sẽ được bù đắp những gì mà Nương thiếu thốn.

=> Số phận của Nương và Điền tiêu biểu cho bi kịch của những đứa trẻ bị bỏ rơi khi hôn nhân của cha mẹ tan vỡ. Nỗi đau bất tận mà chúng phải gánh chịu đã gióng lên một hồi chuông thức tỉnh với những người làm cha, làm mẹ.

**Bước 4:** Sử dụng kĩ thuật đọc sáng tạo để nhận ra giá trị và ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm.

*Cánh đồng bất tận* mở ra trước mắt người đọc một bức tranh hiện thực đầy ngột ngạt, tăm tối của con người ở một vùng quê nghèo tận cùng đất Mũi. Ở đó những kiếp người lầm lũi không chỉ phải đối mặt với sự khắc nghiệt, dữ dội của thiên nhiên mà còn phải chịu nếm trải những nỗi đau bất tận từ chính đồng loại, từ chính những người thân yêu, ruột thịt của mình. Sự tan vỡ của gia đình bé nhỏ trong tác phẩm này là tất yếu sau sai lầm của người mẹ và sự mê đắm vào việc trả thù của người cha. Hai nhân vật đứa trẻ trong tác phẩm là những nạn nhân, lớn lên tự nhiên như đàn vịt, thiếu thốn sự quan tâm và những cử chỉ trìu mến của người thân. Điều đó đã lay động trái tim hàng nghìn độc giả.

Trong tác phẩm các nhân vật được khắc họa với những nét tính cách đặc thù của con người Nam Bộ: chân thực, hồn nhiên, chất phác và bản năng. Cốt truyện mang tính chất cổ điển, không có gì mới nhưng tác giả viết bằng thứ ngôn ngữ và hơi văn lạ, tạo được sức lôi cuốn mạnh mẽ. Cái hồn khí của truyện chứng tỏ nhà văn là người rất yêu vùng đất và con người miền Tây chứ không hề có gì là xúc phạm, bóp méo sự thật. Người miền Trung, miền Bắc đọc tác phẩm này sẽ cảm thấy yêu mến mảnh đất Cà Mau hơn. Họ là những người bình thường trong cuộc đời, họ có những nét tha hóa do hoàn cảnh nhưng cái phẩm chất hoàn lương luôn tiềm tàng ở họ. Người mẹ xấu hổ trước sai phạm của mình đã bỏ nhà ra đi chứ không thể lì lợm đối diện với hai con, người đàn bà tuy phải lang chạ kiếm sống nhưng khi cần cũng biết hy sinh để cứu đàn vịt gia sản của mấy chị em, rồi trái tim chai sạn khổ nhục của chị biết run lên cay đắng trước sự khinh rẻ lạnh nhạt của ông bố hai đứa trẻ, sự thức tỉnh của người bố trong chiều mưa tầm tã mà nỗi đau lên đến tận cùng khi đứa con gái tội nghiệp bị hãm hiếp... Không kể mấy tên lưu manh cướp bóc, cưỡng bức, thì các nhân vật chính từ cô gái điếm bất hạnh, người mẹ sai lầm, người cha cực đoan đến người con trai nhu nhược... đều có hai mặt tối - sáng trong tính cách họ khiến ta thương cảm chứ không căm ghét. Cái nhân - cách - văn - hóa lương thiện bị vùi lấp xáo trộn trong họ nhiều khi vụt lên sáng rõ hơn ở nhiều con người được ngụy trang trong đời thực. Sự thức tỉnh của họ cũng như cái giây phút "thèm lương thiện" của Chí Phèo làm ta không bi quan tuyệt vọng ở con người, ở kiếp người mà ngược lại chỉ làm ta thêm gắn bó với họ vì không có "cái gì thuộc về con người mà xa lạ với chúng ta". Và nếu hiểu như vậy thì trong hoàn cảnh riêng biệt, nếu giả sử có một doi đất nào đấy ở Cà Mau có nhiều con người thực kiểu Nguyễn Ngọc Tư miêu tả cũng chỉ làm ta yêu mến và xúc động hơn bởi cái sức mạnh khái quát đầy tính bao dung của nghệ thuật.

*Cánh đồng bất tận* để lại một nỗi u ám mênh mang về hiện thực. Người đọc có cảm tưởng rằng ở miệt sông nước Nam Bộ những "thân phận làm đĩ" nhiều quá. Cái ác thống trị trong cuộc sống, trong tim con người và cả trong cách khai thác chất liệu của tác giả. Tình người vắng bóng trong mối quan hệ gia đình và đồng loại. Bối cảnh xã hội, đồng bằng, sông nước Nam Bộ chỉ còn lại một vùng hoang dã như thời mông muội, ở đó không có đạo lý, không có luật pháp, không có tình người. Nhân vật hiện lên trần trụi, hiện sinh. Con người hành xử theo bản năng nhiều hơn là ý thức xã hội. Thông điệp mà tác giả *Cánh đồng bất tận* muốn gửi đến cho độc giả không nhằm phê phán hay ám chỉ các mặt tối, sáng một nơi nào cả, mà chính là cảm xúc nhân văn với thân phận con người. *Cánh đồng bất tận* chỉ nói cái sự đời và miêu tả người đời. Những sự kiện nêu lên có màu sắc địa phương trong tác phẩm chỉ là cái áo khoác cho thông điệp dễ đi trọn đường đến trái tim độc giả. Con người nên sống với tình yêu, nếu sống với hận thù chỉ biết có hận thù thì khi anh trả thù đời, đời cũng trả thù lại anh! Nguyễn Ngọc Tư đã đặt ra vấn đề về cách cứu vớt những sai lầm nhân thế, người ta chỉ có thể cứu vớt được bằng sự khoan dung, tha thứ, lấy ân trả oán… Cao quý hơn Nguyễn Ngọc Tư đã định hướng cho người đọc nhất là những bậc cha mẹ cách giáo dục con cái ở tuổi mới lớn – đó là giáo dục giới tính. Câu kết truyện “là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn” quả là một thông điệp đầy tính nhân văn.

Tác phẩm không phải đã toàn bích, có lúc tác giả đã hơi lý tưởng hoá, nghĩ thay cho nhân vật, tạo nên một ấn tượng gờn gợn khiên cưỡng. Dẫu vậy, *Cánh đồng bất tận* vẫn là một thiên truyện đọc cảm động từ dòng đầu đến cuối, vì tính nhân văn dồi dào trong nội dung, cũng như còn làm độc giả say đắm bởi một số đặc sắc nghệ thuật rất riêng của Nguyễn Ngọc Tư. Cánh đồng bất tận được chú ý như là cánh én báo hiệu một mùa đổi mới văn chương, sẽ có nhiều tác phẩm được sáng tác theo hướng của Cánh đồng bất tận

**4. Truyện ngắn "Bức tranh" ( Nguyễn Minh Châu)**

**Câu 1:** Tóm tắt câu chuyện xảy ra của nhân vật "tôi".

**Câu 2:** Nhận xét về điểm mới trong cách xây dựng cốt truyện ở tác phẩm "*Bức tranh*" – sáng tác tiêu biểu sau năm 1975 của Nguyễn Minh Châu.

**Câu 3:** Nhận xét về giọng điệu trần thuật của Nguyễn Minh Châu?

**Câu 4:** Tình huống nảy sinh khiến nhân vật "tôi" tự thú về việc làm của mình? Em hãy gọi tên tình huống và phân tích?

**Câu 5:** Trong tác phẩm "*Bức tranh*" có 2 chi tiết nghệ thuật quan trọng. Đó là chi tiết nào? Vì sao?

**Câu 6:** Nhân vật "tôi" đã vẽ bức tranh tự họa của mình bằng những chi tiết nào? Nêu ý nghĩa của việc lặp lại bức tranh tự họa của nhân vật "tôi" ở phần đầu và phần cuối tác phẩm?

**Câu 7:** Trong truyện "*Bức tranh*” Nguyễn Minh Châu có viết câu “Da mặt tôi tự nhiên dày cộm lên”, câu văn này đặt trong văn cảnh của thiên truyện gợi cho em nhớ tới câu thơ nào trong truyện Kiều mà em đã học. Từ đó hãy nói rõ tâm trạng của các nhân vật được diễn tả trong câu văn, câu thơ ấy? Vì sao các nhân vật lại có tâm trạng đó? Việc thể hiện tâm trạng đó đã làm thấm thía ý nghĩa tư tưởng gì của tác phẩm.

**Câu 8**: Cảm nhận của em về nhân vật người chiến sĩ – anh thợ cắt tóc trong truyện ngắn "*Bức tranh*" của Nguyễn Minh Châu.

**Câu 9:** Trong tác phẩm này đã thể hiện rõ lời tự thú của một tâm hồn hướng thiện. Em hãy phân tích ý nghĩa của bức tranh tự họa trong tác phẩm.

**Câu 10:** Nhan đề "*Bức tranh*" có mối liên hệ như thế nào với biểu tượng về chiếc gương soi mặt và "bức ảnh truyền thần" người chiến sĩ năm xưa?

**Câu 11:** “*Bức tranh*” là truyện ngắn có tính luận đề. Qua tác phẩm Nguyễn Minh Châu muốn nhắc nhở mọi người điều gì?

**Câu 12:** Chỉ ra nét mới trong nhận thức về con người của Nguyễn Minh Châu sau năm 1975 qua tác phẩm "*Bức tranh*"?

**Gợi ý**

**Câu 1.** Toàn bộ "*Bức tranh*" là tấm chân dung tự họa trong nỗi day dứt của một người họa sĩ. Trong chiến tranh, vì tự ái nghề nghiệp "tôi là một họa sĩ chứ đâu phải là một thợ vẽ truyền thần", người họa sĩ ấy đã từ chối vẽ chân dung cho một người chiến sĩ để anh gửi về cho mẹ già. Rồi sau đó, khi được người chiến sĩ cứu sống, người họa sĩ vẽ chân dung anh với lời hứa không chỉ với anh mà còn với chính bản thân mình là sẽ mang bức tranh đó về trao tận tay mẹ của anh. Nhưng về tới Hà Nội, người họa sĩ đã không thực hiện lời hứa của mình mà mang bức tranh đi triển lãm. Bức "chân dung chiến sĩ giải phóng" đã mang lại thành công và sự nổi tiếng cho ông. Tám năm sau, một lần tình cờ vào hiệu cắt tóc, người họa sĩ nhận ra người cắt tóc chính là anh chiến sĩ năm nào, và người mẹ của anh, vì không nhận được tin tức gì của con trai trong thời chiến, ngỡ con mình hi sinh nên đã khóc lòa cả mắt. Toàn bộ câu chuyện là nỗi ân hận, day dứt của người họa sĩ khi đối diện với lương tâm của chính mình, nhất là khi người thợ cắt tóc bao dung, độ lượng, vờ như không nhớ chuyện quá khứ.

**Câu 2.** Cốt truyện được nới lỏng, sự kiện và biến cố không còn quan trọng thiết yếu bên cạnh các yếu tố suy tư triết lý, những xung đột tâm lý, những hồi ức, giả tưởng. Cốt truyện của "*Bức tranh*" được xây dựng trên xung đột nội tâm và bi kịch tinh thần của người họa sĩ. Toàn bộ tác phẩm không có những sự kiện, những tình tiết gay cấn mà chỉ như một lời thú tội, lời kể lại của người họa sĩ về nỗi niềm của mình. Trọng tâm của truyện ngắn là mô tả những diễn biến, những vận động nội tâm của con người khi đối diện với một lỗi lầm trong quá khứ, đồng thời đó cũng là quá trình tự ý thức bản thân mình, họa bức chân dung "sơn dầu" hoàn thiện về con người đích thực của mình. Phải mất mấy tháng để người họa sĩ hoàn thành bức tranh, đó cũng là khoảng thời gian đấu tranh nội tâm gay gắt để sống chân thực với cả phần "bóng tối và ánh sáng" trong tâm hồn mình. Cả câu chuyện đi theo mạch kể của nhân vật xưng "tôi"- người họa sĩ, có cả hồi ức – những câu chuyện chiến trường cách đây 8 năm, có cả giả tưởng – những cuộc hội thoại giữa anh chiến sĩ năm xưa và người họa sĩ với đầy đủ cung bậc, hay nói cách khác là những lần họa sĩ tự phân thân để nhìn nhận, đánh giá về con người mình.

**Câu 3.** Từ giọng trữ tình mang tính ngợi ca trước năm 1975, Nguyễn Minh Châu chuyển sang giọng điệu trần thuật bình đẳng, đa thanh hết sức mới mẻ. "*Bức tranh*" có nhiều giọng điệu: giọng lên án, giọng bào chữa, giọng xuê xoa lẩn tránh, giọng khắc khoải, tự si vả mình. Ngôn ngữ nửa trực tiếp: đan xen giọng điệu của tác giả, người họa sĩ, người chiến sĩ năm xưa.

**Câu 4.** Với một cốt truyện được nới lỏng, cốt truyện về đời tư, thế sự, Nguyễn Minh Châu không xây dựng những tình huống kịch tính giống văn học trước 1975 mà ông chủ yếu đi vào những tình huống tự nhận thức. Người họa sĩ vô tình vào một hiệu cắt tóc, nhận ra người chiến sĩ năm xưa mình đã từng bội ước, thì cảm giác lo sợ, ân hận, day dứt xuất hiện. Theo mạch truyện, mỗi một lần đến hiệu cắt tóc là một lần người họa sĩ nhận thức thêm được về mình qua hình ảnh phản chiến trong tấm gương soi. Qúa trình tự nhận thức của người họa sĩ không chịu tác động của anh chiến sĩ năm xưa ( người chiến sĩ dường như cố tình không nhận ra ông và đối xử một cách bình thường), hoặc nếu có tác động thì chỉ là thái độ khoan dung của người chiến sĩ càng làm cho ông hổ thẹn ( khác hẳn với những cuộc đối thoại giả tưởng diễn ra trong tâm hồn người họa sĩ với những lời "đồ dối trá", "cút đi")

**Câu 5.** Trong tác phẩm có 2 chi tiết nghệ thuật quan trọng đó là bức chân dung anh chiến sĩ và bức tranh tự họa của người họa sĩ. Bởi vì qua 2 bức tranh này chủ đề của tác phẩm đã được bộc lộ. Mỗi bức tranh là kết quả của một lần tự suy nghĩ và phán xét về chính mình. Đồng thời đó cũng là lời tự thú chân thành của người họa sĩ với những lỗi lầm của mình đã mắc phải.

**Câu 6.** Ý nghĩa: Trong cuộc sống thường nhật, con người thường nhận ra phần tốt của mình, chỉ đến khi được soi rọi bằng thứ "ánh sáng từ muôn nghìn nến", ánh sáng của lương tâm thì mới nhận ra mình còn có bộ mặt khác ẩn đằng sau chiếc mặt nạ vẫn mang theo hàng ngày. Người họa sĩ khi ngồi cắt tóc, nhìn thấy mình trong tấm gương như được đối diện với con người thứ hai của mình, con người xấu xí và lạ lẫm, với đôi mắt "khắc khoải" và một phần chưa lộ rõ hết bởi lớp bọt xà phòng che phủ nửa dưới của khuôn mặt. Cái khuôn mặt thứ hai ấy chính là phần "rắn rết", "ác quỷ" bên trong mỗi con người mà không phải ai cũng có thể nhận ra và chấp nhận nó.

**Câu 7**. Câu văn của Nguyễn Minh Châu làm ta liên tưởng tới câu thơ trong truyện Kiều: “Ngừng hoa bóng thẹn trông gương mặt dày”.

Các nhà văn đã thể hiện được tâm trạng hổ thẹn, sượng sùng của hai nhân vật người họa sĩ và nàng Kiều. Tâm trạng đó được diễn tả sinh động qua hình ảnh “da mặt dày lên”. Sự gặp gỡ thật kì diệu của hai tác giả đã chọn hình ảnh tiêu biểu để khắc họa tâm trạng nhân vật. Bởi cả hai nhân vật trong hai tác phẩm được miêu tả cụ thể đều ý thức rất rõ việc mình đang làm. Nàng Kiều ý thức được nhân phẩm nên cảm thấy vô cùng nhục nhã khi tài sắc của mình trở thành hàng hóa. Vì thế nên nàng nhìn hoa mà thẹn với hoa, mỗi bước đi của nàng thấm đầy nước mắt. Tâm trạng “mặt dày” mà Nguyễn Du miêu tả trong câu thơ giúp người đọc hiểu được nỗi niềm tâm sự của nàng Kiều. Vì sự bình yên của gia đình, nàng Kiều chấp nhận sự tủi nhục ê chề. Còn nhân vật người họa sĩ của Nguyễn Minh Châu cảm thấy “mặt mình dày lên” khi nghĩ tới việc không giữ lời hứa với người chiến sĩ mà mang bức hình của người chiến sĩ đi triển lãm để tạo tiếng tăm cho mình. Người họa sĩ tự thú mình là kẻ ích kỉ, thấp hèn, tự nhìn vào bộ mặt thật bên trong của mình, xấu hổ với chính mình. Dằn vặt, trăn trở với lỗi lầm chính mình khiến cho ông họa sĩ trở thành một nhân cách đáng trọng. Gía trị nhân văn của tác phẩm chính là ở chỗ đó.

**Câu 8**. Gợi ý:

Lưu ý: Người chiến sĩ năm xưa nay là người thợ căt tóc chỉ làm nền thấp thoáng xuất hiện trong tác phẩm nhưng lại là biểu tượng cao đẹp của con người. Đó là sự độ lượng và lòng nhân ái.

-Đọc tác phẩm người đọc đều cảm nhận rõ: người chiến sĩ tha thiết yêu kính mẹ. Trong khói bom lửa đạn nơi chiến trường niềm mong ước duy nhất của anh là có một tấm hình gửi về cho mẹ. Anh chỉ mong sao nơi quê nhà người mẹ già có tấm hình anh sẽ yên tâm anh còn sống và thỏa được điều ao ước của mẹ bấy lâu. Vì thế mặc dù rất ngại ngần nhưng người chiến sĩ vẫn tha thiết thỉnh cầu ông họa sĩ vẽ cho anh một bức chân dung. Qua niềm mong ước ấy người đọc cảm nhận được tấm lòng thơm thảo của người con đối với mẹ. Đó chính là nét đẹp trong tình cảm người chiến sĩ.

-Nhưng điều cơ bản nhất ở người chiến sĩ là sự độ lượng và tấm lòng nhân ái:

+Sự độ lượng của anh được thể hiện bằng việc giúp đỡ ông họa sĩ tận tình khi ông gặp khó khăn.

+Trong anh không hề mảy may có sự ích kỉ, thù hằn, đó là nét đẹp trong trái tim người chiến sĩ: một tấm lòng bao dung, hào hiệp.

+Chính sự độ lượng đó của anh khiến cho người họa sĩ nhìn lại quan niệm sống của mình. Ông bỗng nhận ra rằng cái triết lý: cho như thế nào thì sẽ nhận như thế ấy không hẳn đã đúng trong mọi trường hợp.

+Và ông cũng nhận ra một điều lòng độ lượng không phải độc quyền của kẻ bề trên bởi chính lúc này người chiến sĩ ít tuổi hơn ông chẳng có danh tiếng gì đang tỏ ra độ lượng với ông. Điều đó đã làm người họa sĩ bừng tỉnh ra lỗi lầm của mình.

-Sự độ lượng của anh chiến sĩ còn được biểu hiện bằng việc tha thứ cho lỗi lầm của người họa sĩ. Mặc dù, đọc tác phẩm ta thấy anh chiến sĩ không hề lên tiếng.

--> Với hình ảnh người chiến sĩ nhà văn đã ca ngợi vẻ đẹp của anh lính cụ Hồ, đó là sự độ lượng, lòng nhân ái biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác. Đồng thời, với nhân vật này Nguyễn Minh Châu đã thể hiện được vấn đề lớn của cuộc sống: lòng độ lượng, đức tính vị tha của mỗi con người có sức cảm hóa kì diệu, sẽ giúp người khác nhìn lại mình để vươn tới cái cao đẹp để hoàn thiện bản thân.

**Câu 9.** Gợi ý

-Với tác phẩm "*Bức tranh*" Nguyễn Minh Châu đã nêu ra một vấn đề của đời sống: mỗi con người phải tự suy nghĩ về chính mình để vượt lên thói xấu, sống độ lượng và cao thượng hơn, có như vậy mới xây dựng được xã hội tốt đẹp. Nguyễn Minh Châu đã thể hiện ý nghĩa đó qua việc xây dựng thành công nhân vật người họa sĩ. Điểm đáng quý nhất ở người họa sĩ là tâm hồn hướng thiện dám nhìn thẳng vào thói xấu của mình để hoàn thiện nhân cách. Trong ông đã diễn ra cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt khi nhìn lại những việc mình làm trong quá khứ đối với người chiến sĩ mà nay được gặp lại.

+Câu chuyện xảy ra 8 năm về trước nhưng khi gặp lại người chiến sĩ năm xưa bây giờ là anh thợ cắt tóc, ông họa sĩ vẫn nhớ như in những việc mình đã làm, đó là không mang bức chân dung của người chiến sĩ đã nhờ gửi cho mẹ anh ở hậu phương mà lại mang đi triển lãm để nhận giải thưởng. Vinh quang của người họa sĩ trở nên quan trọng và hấp dẫn hơn cái nguyện vọng thiết tha và cảm động của người chiến sĩ nơi chiến trường. Một điều thật trớ trêu không phải là những bức tranh nghệ thuật khác mà chính là bức chân dung người chiến sĩ ấy đã đem lại vinh quang cho ông họa sĩ. Ông đã mắc nợ và chịu ơn người chiến sĩ. Ông chỉ nhận vinh quang mà quên hết món nợ.

+Lúc này đây trước mặt ông là người thợ cắt tóc bình thường chính là người chiến sĩ năm xưa bình dị và độ lượng khiến cho trong ông đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt. Ông nửa như muốn nhận lỗi, cảm thấy như "da mặt mình dày lên", hổ thẹn với chính mình, thấy mình thấp hèn và ích kỉ đã làm những việc đáng lẽ không nên làm. Ông tự lên án mình là kẻ dối trá đã gây đau khổ cho người khác. Nhưng có lúc ông lại không muốn nhận lỗi. Một con người khác bên trong người họa sĩ đã tìm cách biện bạch cho hành động tội lỗi đó. Như vậy, trong con người ông họa sĩ có sự day dứt, giằng co giữa phần tốt – xấu, giữa rồng phượng – rắn rết, giữa thiên thần – ác quỷ.

-Song càng tìm hiểu về người chiến sĩ, ông họa sĩ càng hiểu rõ vì sao mẹ già của anh bị mù lòa, lương tâm ông càng cắn rứt. Ông quyết định "chường" cái mặt của mình để kiên quyết nhận thói xấu về mình. Như vậy thừa nhận cái xấu, lỗi lầm của mình, ông họa sĩ đã trở thành nhân cách đáng trọng. Ông day dứt, giằng co trong tâm hồn để vươn tới cái cao đẹp. Tâm hồn hướng thiện của người họa sĩ chính là ở chỗ đó. Ông đã tự phác họa bên trong mình "đó là khuôn mặt người rất lớn, nghìn ánh sáng từ phía trước, một nửa mái tóc tốt rợp, một nửa mái tóc đã cắt, phần bên dưới của khuôn mặt có cái mặt nạ. Đôi mắt mở to nhìn vào nội tâm..." Luồng ánh sáng nghìn nến chính là ánh sáng của lí trí, của lương tâm khi đã thức tỉnh, đã nhìn rõ con người mình... Nói đúng cái mặt bên trong của mình là một điểm đáng quý của người họa sĩ – một tâm hồn luôn khao khát vươn đến cái cao đẹp.

-Xây dựng nhân vật người họa sĩ trong tác phẩm, Nguyễn Minh Châu đã nêu một kiểu nhân vật tư tưởng không đại diện cho một tầng lớp người mà tập trung thể hiện vấn đề tư tưởng, một ý thức tồn tại trong xã hội. Đó là vấn đề ý thức tự phê phán, tự thức tỉnh, tự thú của lương tâm mỗi người để nhìn về mình.

--> Qua nhân vật người họa sĩ Nguyễn Minh Châu muốn nhắn gửi tới bạn đọc hãy tự suy nghĩ về chính mình để nhìn ra cái xấu mà vươn tới cái cao đẹp. Nguyễn Minh Châu đã thể hiện niềm tin của mình vào con người, vào sự phấn đấu của mỗi người để vươn tới cái thiện, cái đẹp. Cuộc đấu tranh với cái xấu, cái ác phải là cuộc đấu tranh nội tâm trong mỗi con người, chiến thắng cái xấu ngay trong bản thân mỗi con người. Đó chính là giá trị nhân văn của tác phẩm khi nhà văn xây dựng thành công nhân vật người họa sĩ.

**Câu 10.** Chiếc gương soi mặt và bức tranh của ông thợ cắt tóc ( người chiến sĩ năm xưa) chính là biểu tượng độc đáo của tác phẩm. Tên tác phẩm là "*Bức tranh*" và xuyên suốt toàn bộ câu chuyện, hình ảnh bức tranh cứ lặp đi lặp lại với nhiều biến thể khác nhau. Chiếc gương soi mặt của người thợ cắt tóc đã phản chiếu "khuôn mặt bên trong được lột ra khỏi cái mặt nạ hằng ngày". Đó là bức tranh được soi rọi bởi muôn nghìn nến, thấy rõ một đôi mắt mở to, khắc khoải, một nửa khuôn mặt bị che lấp đi bởi lớp bọt xà phòng. Lần đầu tiên, nhân vật họa sĩ thấy bức chân dung của mình xấu xí lạ lùng, trái ngược với bức tranh "chân dung chiến sĩ giải phóng" treo trên tường hiệu cắt tóc. Dường như đấy là sự dối trá, bịp bợm. Hình ảnh người họa sĩ trong gương là hình ảnh con người bên trong, tấm gương là công cụ phản chiếu ánh sáng soi rọi từ lương tâm để con người nhìn thấy rõ bộ mặt thật của mình.

**Câu 11.** Với tác phẩm "*Bức tranh*" Nguyễn Minh Châu muốn nhắc nhở mọi người: Dù cuộc sống có bận bịu, chen lấn thế nào thì hãy tạn ngừng để suy nghĩ về chính mình, để vượt lên "rắn rết, ác quỷ", sống cao thượng và độ lượng hơn.

**Câu 12.** Nét mới trong nhận thức về con người của Nguyễn Minh Châu sau năm 1975 qua tác phẩm "*Bức tranh*" từ con người sử thi có xu hướng lí tưởng hóa trước năm 1975 đến quan niệm con người đạo đức thế sự, biểu hiện:

-Con người tự ý thức, tự nhận thức: Nhân vật họa sĩ nhận ra trong con người có cả tốt, cả xấu, "cả rồng phượng và rắn rết, thiên thần và ác quỷ", không ai tốt hoàn toàn và cũng không ai xấu hoàn toàn.

-Con người tự nhiên, con người tâm linh:

+Nhân vật họa sĩ với những day dứt lương tâm của mình đã sống chân thật cùng với nỗi ân hận. Nguyễn Minh Châu đã để cho nhân vật của mình phân thân để đối chứng, kiểm nghiệm lại quá khứ và hiện tại. Nhà văn không tô hồng nhân vật mà để nhân vật sống với những cảm xúc thực của mình, con người như bản thể tự nhiên sinh ra với tất cả những tốt, xấu, bao dung và giả dối. Người họa sĩ và người chiến sĩ được xây dựng trong tư thế đối lập nhau. Một con người thiết tha, bao dung, độ lượng, một con người núp dưới danh vọng của kẻ dối trá, bịp bợm; một người nay có được hạnh phúc bình dị và một người chịu sự trừng phạt của lương tâm. Tất cả đều hợp với quy luật tự nhiên của cuộc sống.

+Thứ "ánh sáng muôn nghìn nến" mà nhờ đó nhân vật họa sĩ nhận ra con người thật của mình trong gương chính là ánh sáng của lương tâm, đạo đức. Nhà văn đã để cho nhân vật họa sĩ được sống với lương tâm.

-Con người trong mối quan hệ với hoàn cảnh: tác phẩm đặt ra một câu hỏi: con người hành động do quyết định của hoàn cảnh hay ý chí và có chiến thắng được hoàn cảnh hay không? "Không, đừng đổ lỗi cho hoàn cảnh", câu nói trong cuộc đối thoại giả tưởng giữa người họa sĩ và anh chiến sĩ năm xưa là câu trả lời xác đáng nhất cho câu hỏi trên.

Như vậy, sau năm 1975, trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu xuất hiện hình tượng con người mang trong mình những xung đột nội tâm sâu sắc. Ông kiên trì theo đuổi các giá trị đạo đức, đi sâu vào các ngõ ngách của cuộc sống thường nhật, phát hiện ra con người nhiều chiều, phức tạp. Ông sử dụng thước đo nhân bản để định giá con người, nhận ra cuộc đấu tranh muôn đời giữa cái thiện và cái ác.

**5. Tiểu thuyết *Anna Karenina* (Lev Tolstoy)**

Lev Tolstoy là một tiểu thuyết gia người Nga vĩ đại, là khởi nguồn của những thành công và sự đổi thay to lớn trong văn học thế giới cuối thế kỷ 19 và thế kỷ 20. Tấm gương lao động nghệ thuật quên mình của ông và những tác phẩm vĩ đại như *Chiến tranh và hòa bình*, *Anna Karenia, Phục sinh*… để lại một kho tàng những kinh nghiệm vô giá cho các nhà văn. Đương thời, chính Đôxtôiepxky đã có lần gọi Lev Tolstoy là “vị thần nghệ thuật”. Sau này, ông được coi là “viện hàn lâm của các nhà văn”, “là một dòng suối mát mà nhân loại mãi mãi đến uống”.

Tư chất bẩm sinh cộng với khả năng tự đào luyện mình đã giúp L. Tolstoy trở thành một người vô cùng uyên bác. Ông tích lũy được vốn kiến thức vô cùng lớn về tâm lý, tôn giáo, âm nhạc, mỹ học, lịch sử, khoa học… Ông thành thạo hai mươi ngoại ngữ, đọc hàng vạn cuốn sách có ghi chép cẩn thận.

L. Tolstoy cũng là một người lao động nghệ thuật vô cùng nghiêm túc. Phương châm của ông là: “Hãy đồng hóa những người đi trước và đi xa hơn nữa”. Bao giờ ông cũng suy nghĩ kỹ càng trước khi viết, ông nghiên cứu đến tận cùng vấn đề để có những hiểu biết sâu sắc. Và khi đã bắt tay vào viết, ông luôn trăn trở, chọn lựa chi tiết hết sức kỹ càng, nghĩ ra vô vàn yếu tố, vô vàn mối liên hệ, và sau đó chọn lấy những gì là hợp lý nhất. Bản thảo của ông được viết đi, viết lại hàng chục lần. Thậm chí, khi đã xuất bản, ông vẫn tiếp tục sửa chữa để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Điều đáng nói nữa, dù đọc sách và học tập rất nhiều, nhưng ông không phải là nhà văn chôn thân mình trong tháp ngà nghệ thuật. Khi còn là một chàng trai trẻ, ông đã xin ra chiến trường, viết những truyện ngắn đầu tiên ở chiến hào. Sau này ông đã đi rất nhiều nơi trong và ngoài nước, đã thâm nhập vào nhiều cảnh đời, đã thấu hiểu sâu sắc muôn mặt của đời sống, thấu hiểu đủ loại người từ những vị vua, vị anh hùng, các tướng lĩnh, người nông dân, cha cố và cả những cô gái điếm… Thấu hiểu những vấn đề sâu thẳm trong lịch sử và thấu hiểu hiện tại, L. Tolstoy đã dành tất cả khả năng, tất cả tâm huyết của mình để sáng tác văn học, nhằm ca tụng “nhân dân kỳ diệu vô song”; nhằm “tìm kiếm cái đẹp”.

Có thể nói, cống hiến mới mẻ nhất của ông là ở chỗ, ông là người đầu tiên đã kết hợp được yếu tố tự sự song song với yếu tố tâm lý trong anh hùng ca *Chiến Tranh và hòa bình* mà trước đây, từ thời Homer cổ đại, qua thời trung cổ đến thế kỷ 18 đều chưa đạt được.

L. Tolstoy đặc biệt nhấn mạnh đến sự thể hiện “sự thật về tâm hồn con người” như là mục đích chính yếu nhất của nghệ  thuật. Ông viết: “Nghệ thuật chính là cái kính hiển vi hướng nhà nghệ sỹ soi rọi vào những bí ẩn của tâm hồn mình và biểu hiện những bí ẩn chung đó cho tất cả mọi người”. Với suy nghĩ ấy, ông đã tìm ra tính lưu chuyển của tâm lý con người, đến những quy luật của nó hay nói một cách khác, cống hiến vĩ đại của  L. Tolstoy chính là *tính biện chứng tâm hồn*. Ông có cái nhìn sâu thẳm vào thế giới bên trong của nội tâm con người, phát hiện ra “con người trong con người”; đồng thời miêu tả “tất cả các chiều sâu của tâm hồn con người”. Để đạt được mục đích của mình, ông tìm mọi thủ pháp để thể hiện tâm lý, mà đáng nói nhất là nghệ thuật độc thoại và phép soi gương.

Tác phẩm *Anna Karenina* là thành quả của hơn 4 năm sáng tác (1873 – 1877), được nhà văn manh nha ý tưởng từ năm 1870 với dự định ban đầu viết về một người đàn bà thượng lưu hư hỏng nhưng “đáng thương chứ không đáng tội”, sau 12 lần sửa đổi nội dung và tổi tên. L. Tolstoy cho rằng: “Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên trong đời tôi đã bám chặt lấy tâm hồn tôi và lôi cuốn toàn thân tôi”.

Cốt truyện xoay quanh nhân vật trung tâm là Anna, vợ của một quan chức cao cấp của triều đình ở [Sankt-Peterburg](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sankt-Peterburg). Gia đình người anh trai của Anna có sự bất hòa và nàng đã đi tàu đến [Moskva](https://vi.wikipedia.org/wiki/Moskva) để giúp anh trai và chị dâu hòa giải. Nàng đi cùng toa với bá tước phu nhân Vroskaya. Đến Moskva, anh trai của Anna đón ở ga và con trai của bá tước phu nhân là Alexei Vronsky, một chàng trai tuấn tú, giàu có, quý phái và có tương lai xán lạn ở triều đình và trong quân đội cũng ra đón mẹ. Lúc này, mọi người chưa kịp xuống tàu thì xảy một tai nạn khủng khiếp: một người công nhân bị tàu cán chết. Sự kiện này làm mọi người hết sức kinh hoàng.

Cùng thời gian này, Levin, một điền chủ hầu như quanh năm chỉ sống ở nông thôn, cũng đến Moskva với mục đích cầu hôn với cô con gái út của gia đình Cherbatsky là Kitty - người mà đã để ý và có tình cảm từ lâu, song đã bị Kitty từ chối, bởi tâm hồn nàng đã hướng về Vronsky nhiều hơn.

Anna nhanh chóng giải quyết mối mâu thuẫn cho vợ chồng người anh. Vẻ xinh đẹp và khả ái của Anna đã hấp dẫn mọi người xung quanh kể cả Kitty. Trong buổi khiêu vũ tổ chức tại nhà người quen ít lâu sau, cả Kitty và Anna đều đến. Kitty hạnh phúc và mong chờ được nhảy cùng Vronsky, nhưng khi nàng thấy vẻ mặt của Vronsky khi nhảy cùng Anna, nàng bất ngờ nhận ra rằng Vronsky đã say mê Anna, điều đó khiến Kitty vô cùng đau khổ.

Anna đón nhận tình cảm của Vronsky và xao xuyến vì tình cảm đó nên nàng cảm thấy có lỗi. Nàng đã vội vã rời Moskva nhưng trên chuyến tàu trở về Sankt-Peterburg. Vronsky đã đi theo "để có mặt nơi nào nàng có".

Chồng của Anna là Alexei Karenin, lớn hơn nàng nhiều tuổi, là một con người có tâm hồn khô khan, cằn cỗi, khuôn sáo và có lối sống tẻ nhạt. Anna lấy Karenin là do sự sắp đặt của người cô ham [tiền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n) và ham địa vị. Vì vậy, sau bao năm chung sống với chồng, nàng không hề có tình yêu. Sự xuất hiện của Vronsky cùng với tình cảm nồng nhiệt của chàng đã đánh thức những khát khao yêu đương trong Anna. Ban đầu nàng cố gắng đấu tranh, song cuối cùng nàng không kháng cự nổi và đã lao vào cuộc tình với Vrosky. Cuộc tình vụng trộm đó không giấu được lâu nhưng thật bất ngờ chồng Anna biết nhưng không ghen tuông mà còn lo lắng cho danh dự và tiếng tăm của ông ta lẫn Anna. Nàng có thai với Vronsky và suýt chết trong khi sinh nở. Karenin đã cao thượng tha thứ cho nàng, chăm sóc nàng cùng đứa bé gái mới sinh khiến Anna cảm động ăn năn và Vronsky thì thấy nhục nhã định tự tử nhưng không chết. Tuy nhiên, sự cao thượng của Karenin chỉ tách Anna ra khỏi Vronsky trong thời gian ngắn mà không dập tắt nổi ngọn lửa tình yêu giữa hai người. Không thể sống thiếu nhau, Anna quyết định bỏ nhà, chia tay với đứa con trai mà nàng yêu quý, để cùng Vronsky và đứa con gái nhỏ ra nước ngoài.

Levin sau khi bị Kitty từ chối "lời cầu hôn" liền rời Moskva quay trở về với nông thôn. Chàng trở lại với công việc quản lý điền trang và tìm thấy sự an ủi trong công việc, trong sự hòa nhập với thiên nhiên và cuộc sống của những người lao động. Chàng biết được việc của Kitty (sau khi bị Vronsky từ chối nàng đã rất đau khổ và bệnh nặng) phải ra nước ngoài dưỡng bệnh. Một lần tình cờ sau buổi làm việc ngoài đồng, trên đường về Levin nhìn thấy cỗ xe ngựa chở Kitty chạy qua (nàng đang trên đường từ nước ngoài trở về). Khi nhận ra tình cảm của mình dành cho nàng vẫn còn nguyên vẹn, Levin quyết định đi Moskva để cầu hôn lần nữa. Lần này, chàng đã thành công. Họ nhanh chóng làm đám cưới và sau đó trở về nông thôn, sống cuộc đời bình yên, hạnh phúc.

Trong khi đó hạnh phúc của Anna và Vronsky thật không dễ dàng, nó phải đổi bằng những hy sinh: Vronsky phải từ bỏ con đường danh vọng, Anna phải rời xa đứa con trai mà nàng rất mực thương yêu và chịu những lời chê trách gièm pha. Họ cũng không thể sống mãi ở nước ngoài nên một thời gian sau họ trở về [Nga](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nga). Vronsky dù yêu Anna, song cũng đã mệt mỏi vì cuộc sống không chính thức của hai người, trong khi đó Anna vẫn không giải quyết được việc ly hôn với chồng vì vướng bận chuyện con trai. Những khó khăn đó cộng với sức ép của dư luận, của những người quen thuộc xung quanh làm cho quan hệ tình cảm giữa hai người càng lúc càng trở nên căng thẳng. Cuối cùng nàng đã quyết định bắt Vronsky phải hối hận nên đã giải thoát cho mình bằng cách lao đầu vào [xe lửa](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A0u_h%E1%BB%8Fa). Đau khổ sau cái chết của An-na, Vronsky đã xin gia nhập vào quân đội tình nguyện giúp người [Serbia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Serbia) trong cuộc chiến tranh chống [Thổ Nhĩ Kỳ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%95_Nh%C4%A9_K%E1%BB%B3).

Trước hếtgiá trị nội dung của *Anna Karenina* nằm ở chỗ nó đã phơi bày chân thực bộ mặt xã hội Nga với tất cả những gì đang diễn ra trong nó. Nước Nga trong những năm sau cải cách hiện ra trong tác phẩm với đầy đủ những quan hệ cơ bản và phức tạp. Tolstoy bày ra trước mắt chúng ta những nhân vật đại diện cho các lực lượng xã hội tiêu biểu: quý tộc quan lại đang tư sản hoá, quý tộc thất thế, quý tộc tự do chủ nghĩa, quý tộc bảo thủ, những con buôn, thực lợi, những người trí thức tư sản và tầng lớp nhân dân chủ yếu là nông dân. Về cơ bản, nhà văn đã phản ánh đúng quá trình suy tàn không tránh khỏi của tầng lớp quý tộc: người thì bước vào con đường tư sản hoá, người  thất thế ăn chơi xa hoa, người thì ra sức học mót từ thế giới tư sản Tây Âu, người căm giận trật tự xã hội mới và nuối tiếc nước Nga trước cải cách. Đồng thời với sự lung lay của tầng lớp này là sự lên ngôi, thắng thế của giai cấp tư sản.

Qua hệ thống nhân vật trong *Anna Karenina,*Lev Tolstoy đã mô tả gần như hoàn chỉnh những thói tật của xã hội thượng lưu Nga lúc bấy giờ. Những trò tiêu khiển xa hoa, vô vị và có phần man rợ (như cuộc đua ngựa mà tại đó, con Lao Xao của Vronsky đã gãy xương sống và bỏ mạng) hay những buổi tiệc hào nhoáng của giới quý tộc mà chủ đề duy nhất để có thể duy trì cuộc nói chuyện giữa các phu nhân là nói xấu người khác, những cuộc ngoại tình, lối sống đạo đức giả của giới thượng lưu…

Không chỉ phản ánh bức tranh hiện thực xã hội toàn diện, sinh động, tác phẩm còn dựng lên một bức tranh hiện thực tâm hồn con người vô cùng phong phú, tinh tế, khi hướng ngòi bút tới chủ đề gia đình và tình yêu cá nhân - cùng những bi kịch của nó. Đây cũng là cảm hứng mới mẻ so với cuốn *Chiến tranh và hòa bình* trước đó. Tác phẩm xoay quanh những mối quan hệ hôn nhân, tình cảm: Cuộc hôn nhân của Anna với Karênin môn đăng hộ đối nhưng bị ràng buộc bởi mối quan hệ đạo đức; cuộc hôn nhân của Stephan và Dolly đang đứng trước những rạn nứt, khi Stephan có mối quan hệ ngoài luồng; cuộc hôn nhân hạnh phúc, êm ấm giữa Levin với Kitty; mối tình giữa Anna và Vronsky lại dựa trên tình yêu, đam mê mãnh liệt, có nguy cơ dứt bỏ mọi quan niệm ràng buộc về đạo đức của xã hội phong kiến. Xây dựng bốn mối quan hệ hôn nhân, tình cảm ấy, ban đầu, Lev Tolstoy muốn xây dựng một cuốn tiểu thuyết để khẳng định, ngợi ca nền tảng của gia đình dựa trên các mối quan hệ ràng buộc bởi đạo đức, đồng thời lên án những mối tình chạy theo dục vọng tầm thường. Tuy nhiên, sau đó, bằng tấm lòng nhân đạo của mình cùng sự nhạy bén giữa một xã hội đang dịch chuyển, giao thoa giữa cái cũ và cái mới thì ngòi bút nhà văn lại âm thầm đồng tình với những khát vọng chân thực của con người. Vì thế, cuối cùng nhân vật An-na lại trở nên đáng thương hơn đáng trách. Qua đây, chúng ta cũng thấy được ngòi bút hiện thực nghiêm ngặt của Lev Tolstoy. Ban đầu, nhà văn muốn bảo vệ nền tảng đạo đức của xã hội phong kiến nhưng sau đó ông không thể không thừa nhận những rạn nứt của nó khi nước Nga bước vào cuối thế kỉ 19. Lev Tolstoy đã trở thành một nhà biện chứng tâm hồn khi tuân thủ tuyệt đối sự chi phối của hoàn cảnh đối với tính cách, số phận nhân vật. Anna cuối cùng phải chết không phải vì nhà văn muốn thế mà bởi vì nàng quá đơn độc trong cuộc chiến nổi loạn, chống lại cả xã hội với những giáo lí đạo đức phong kiến khắt khe.

Để làm nổi bật tính cách các nhân vật một cách khách quan, nhà văn thường dùng phép so sánh và đối chiếu. Ví dụ, ông không vạch thẳng thói xấu Vronsky mà đem vị hoàng thân nước ngoài ra đối chiếu để làm hiển lộ những thói xấu đó. Tính cách vui vẻ yêu đời của Kitty khi đặt cạnh bên vẻ cằn cỗi, đơn điệu của Varenca làm nổi bật sự tương phản và khắc họa sâu hơn tính cách riêng của mỗi người. Trái ngược với Levin thuần khiết là cả một loạt người đủ màu vẻ: Oblonsky với thói quen hưởng thụ lạc thú, Pet'rixki thích bừa bãi và rất nhiều người khác nữa, những kẻ sống trụy lạc ở thành phố, tất cả họp lại thành cái nền trên đó nổi bật phẩm chất đạo đức của Levin với lối sống lành mạnh, giản dị ở thôn quê.

L.Tolstoy khám phá nhân vật này trong sự soi chiếu và cảm nhận của nhân vật khác. Tính cách của Karenin hiện lên thông qua cảm nhận của Anna: *“Lòng háo danh, mong ước được thành đạt trong tâm hồn ông ta chỉ có thế, còn như những quan niệm cao thượng, lòng yêu học vấn, tôn giáo, tất cả những cái đó, chỉ là phương tiện giúp sao cho thành đạt”*. Đời sống của Karenin theo lời Anna nhận xét là quen “nuôi sống bằng sự dối trá”. Sự dối trá này bộc lộ rõ nhất khi Karenin biết được sự thật về mối quan hệ giữa Anna và Vronsky. Ông muốn che giấu tất cả, thừa nhận sự dối trá để bảo toàn thể diện của mình. Tâm hồn Karenin được miêu tả sinh động từ nhiều mặt, đôi lúc gợi ra một sự đáng thương. Có những lúc Karenin đã sống thành thực, đã yêu và đau khổ đến nói nhịu và líu lưỡi. Ông cũng có lúc vị tha, đã sống theo triết lý tha thứ cho kẻ thù. Nhưng những giây phút lóe sáng như vậy trong tâm hồn Karenin cũng nhanh chóng tắt đi. Về sau, chính ông đã cảm thấy rất hổ thẹn và hối tiếc về những hành động cao thượng của mình đối với Anna. Trong con người Karenin, có một sự giằng co giữa tiếng nói lương tri và thói quen sinh hoạt giả dối, tàn nhẫn của xã hội thượng lưu. Tolstoy gọi đó là sự giằng co giữa sức mạnh tinh thần tốt và sức mạnh thô bạo. Cuối cùng, sức mạnh thô bạo đã hoàn toàn chi phối hành động và cuộc sống của Karenin. Qua Karenin, ta thấy bản chất giả dối và nhẫn tâm không chỉ xuất phát từ tự thân nhân vật, mà còn là sự hội tụ, phản chiếu và là kết quả của quá trình hòa nhập của nhân vật với xã hội của anh ta.

Diễn tiến tình yêu của Anna với Vronsky được nhà văn mô tả hợp lý và từ tốn. Thoạt đầu, Vronsky cũng chỉ xem mối quan hệ với Anna là trò tiêu khiển đang được thịnh hành trong giới quý phái. Nhưng sau đó, chàng đã thật lòng yêu. Quá trình tan vỡ của mối tình Anna – Vronsky cũng diễn biến một cách thuyết phục. Vronsky hối hận vì yêu Anna mà mất cả tự do, nhưng vẫn giấu nỗi bực mình dưới lời lẽ dịu dàng, lịch sự. Đối với chàng, tình yêu còn mang màu sắc chiến thắng và khi hư vinh đó giảm dần thì chàng bắt đầu chán. Anna thèm muốn hạnh phúc thật sự. Nàng yêu tha thiết vì mong đó là con đường thoát khỏi mọi trói buộc giả dối, độc ác của giới thượng lưu. Nhưng Vronsky không phải là người có thể đánh giá đúng mong ước đó. Những cơn ghen tuông của Anna thật vô lý nhưng lại hoàn toàn có thể hiểu được. Chúng càng làm trầm trọng thêm mối bất hòa giữa nàng và Vronsky. Ngay cả khi họ làm lành với nhau sau những cuộc ghen tuông giận hờn, những chi tiết nhỏ nhặt nhà văn đưa ra cũng cho thấy dấu hiệu quan hệ của họ là vô hy vọng. Con mắt nhận xét chăm chú và sắc sảo của nhà văn nhìn bao quát và thấu suốt mọi sự vật, từ việc lớn mà đôi mắt bình thường không hiểu nổi đến cái vụn vặt một người lơ đễnh thường bỏ qua; tất cả cái đó giúp nhà văn miêu tả tâm hồn con người với mọi vẻ sâu sắc, cụ thể và bất ngờ nhất.

Lev Tolstoy là một nhà văn hiện thực vĩ đại của Nga thế kỷ XIX. Các sáng tác của ông thể hiện một tâm hồn trăn trở của một văn hào, một nhà tư tưởng cả đời đi tìm chân lý để cải biến xã hội. *Anna Karenina*là một thành công lớn của Tolstoy và trở thành một trong những kiệt tác của văn chương hiện thực. Trong tiểu thuyết *Anna Karenina,*sự quan sát sâu sắc cuộc sống đã giúp Tolstoy thể hiện đúng đắn những bản chất của xã hội đương thời, đồng thời cũng thể hiện một khả năng tinh tế trong việc nắm bắt những trạng thái tế vi nhất trong tâm hồn con người. Từ tiểu thuyết này, tác giả cũng đặt ra nhiều vấn đề của xã hội, mà chính tác giả cũng phải khó khăn để giải quyết. Nhà văn Đức Henric Man đã viết: “Khi Tolstoy vô song viết *Anna Karenina*, chính ông cũng chưa hiểu rằng cái xã hội được nhìn thấu suốt như thế thì không thể nào còn có thể tiếp tục lâu dài hơn được nữa”.

**6. Tác phẩm : CHIẾN TRANH KHÔNG CÓ MỘT KHUÔN MẶT PHỤ NỮ (trích)**

**(*Tiểu thuyết -*  Svetlana Alexievich)**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

**1.1. Tiểu sử, con người:**

- Tiểu sử:

+ Svetlana Alexievich, sinh ngày 31/5/1948 tại thị trấn phía tây Ukraine, trong gia đình cha là người Belarus, mẹ là người Ukraine

+ Lớn lên ở Belarus

+ Bà đã làm phóng viên trong một số tờ báo địa phương trước khi tốt nghiệp từ Đại học Lenin (1972) (bây giờ là [Đại học Nhà nước Belarus](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc_Nh%C3%A0_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_Belarus&action=edit&redlink=1)) ở Minsk và trở thành một phóng viên của tạp chí văn học *Neman* ở [Minsk](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minsk).

+ Năm 2015, bà được trao giải thưởng Nobel Văn học, vì “đã đặt một công trình kỉ niệm cho những hoạn nạn và dũng cảm trong thời đại của chúng ta”

- Con người: Svetlana Alexivevich là con người mạnh mẽ, nhiệt huyết với con người, với quê hương, khao khát khám phá những góc khuất của lịch sử, những con người bị lãng quên.

**1.2. Sự nghiệp sáng tác**:

- Các tác phẩm tiêu biểu: *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* (1985), *Những cậu bé trong quan tài* (1991), *Bùa mê với cái chết* (1994), *Lời cầu nguyện Chernobyl* (1997), *Một thời quá khứ* (2013),…

- Đặc điểm sáng tác:

+ Bà là một nhà báo điều tra và nhà văn thể loại văn xuôi hiện thực

+ Là người Belarus nhưng viết văn, làm báo bằng tiếng Nga

+ Bà thường phỏng vấn người dân để lấy làm tư liệu sáng tác, vì thế lời văn của bà rất hiện thực, không quá xa vời, hư cấu. “Phương pháp của bà làm cho những bài văn không hư cấu trở thành những truyện ngắn, trong khi vẫn hoàn toàn trung thành với những sự kiện và lối nói của người được phỏng vấn”

- Vị trí văn học sử: Svetlana Alexievich là nhà văn, nhà báo chuyên nghiệp nổi tiếng của văn học đương đại thế giới. Bà là người Belarus đầu tiên nhận giải thưởng Nobel Văn học năm 2015.

**2. Tác phẩm, đoạn trích**

**2.1. Tác phẩm**

**2.1.1 Vị trí, hoàn cảnh sáng tác**

- Hoàn cảnh sáng tác: Từ những năm 70 của thế kỉ trước, nhà văn, nhà báo Svetlana Alexievich đã đi qua hơn 100 thành phố, thị trấn và các khu dân cư làng mạc để ghi chép và phỏng vấn với hàng ngàn phụ nữ Liên Xô cũ. Họ là những người cứu chữa thương binh, những người cầm súng, những nhân viên dân sự, du kích, những bà mẹ hay cả những cô gái trẻ... Câu chuyện kể của họ là chất liệu giúp Svetlana viết nên cuốn sách. Chiến tranh trong ký ức của phụ nữ không phải là những chiến công anh hùng mà được kể bởi những câu chuyện hết sức riêng tư.

- Vị trí: *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ* là cuốn sách khởi đầu cho một chuỗi tác phẩm viết về chiến tranh, khẳng định tài năng của Svetlana Alexievich, giúp bà giành được giải thưởng Nobel Văn học 2015

2.1.2. Tóm tắt

Tác phẩm là toàn bộ câu chuyện về chiến tranh dưới góc nhìn của người phụ nữ, nhân vật chính là những nữ cựu binh Xô Viết từng tham gia cuộc chiến vệ quốc vĩ đại của Nga chống lại Đức quốc xã và các đồng minh trong chiến tranh thế giới thứ hai. Nhà văn đi theo chặng đường ra trận của họ, từ khi họ còn là những cô gái trẻ mới đôi mươi, lạ lẫm với quân đội, cho đến khi họ anh dũng chiến đấu trước bom đạn dữ dội, và cuối cùng là bước ra khỏi cuộc chiến như những nữ anh hùng.

**2.1.3. Giá trị nội dung, nghệ thuật**

*- Giá trị nội dung*

+ Tác phẩm là một sự phản ánh mới về chiến tranh, xoay quanh những người phụ nữ tham gia chiến trường. Chiến tranh được nhìn dưới góc độ nhân bản nhất của người phụ nữ, từ những thay đổi lớn về hình thể, khó khăn về giới tính, tâm lí cho đến những hậu quả lâu dài đối với họ, niềm khát khao mãnh liệt của họ về hòa bình.

+ Qua đó, tác phẩm cất lên một tiếng nói phản chiến đầy nhân đạo.

- *Giá trị nghệ thuật*

+ Sử dụng những trường đoạn dẫn mang tính điện ảnh

+ Kết hợp lời kể trực tiếp của các nhân chứng

2.2 Đoạn trích “Đột nhiên tôi thấy thèm sống kinh khủng”

2.2.1 Vị trí: Chương 17, chương cuối cùng của tác phẩm

2.2.2 Giá trị: Đoạn trích đã làm nổi bật nội dung tác phẩm, cho thấy ảm ảnh, hậu quả dai dẳng của chiến tranh cũng như khát vọng hòa bình mãnh liệt của nữ cựu binh Xô Viết nói riêng, nhân loại thế giới nói chung.

**II. Đọc hiểu đoạn trích:**

**1. Những kỉ niệm trong chiến tranh của người phụ nữ**

*\* Điểm nhìn:*

- Đoạn trích là lời kể chuyện của Tarama Stepanovna Oumniaguina - người được phân công vào vai trò phụ tá, có trách nhiệm cứu sống các thương binh.

- Việc tham gia quân đội không phải do ép buộc từ chính phủ, mà do chính tinh thần tự nguyện của bà, của những cô gái thanh niên tuổi đời còn rất trẻ. Họ hi sinh thanh xuân của mình để đem lại thanh xuân cho đất nước. Nhưng cũng chính sự hi sinh đó khiến họ phải trải qua những thử thách rất lớn, chứng kiến những thảm cảnh của chiến tranh.

*\* Hiện thực tàn khốc:*

- Tất cả các đồ đạc đều thấm máu, đôi giày mềm rách bươm, phải đi chân trần

- Chiến trường Stalingrad ác liệt: “cả một thành phố: những con đường, những ngôi nhà, những căn hầm (…) Cả cơ thể tôi chỉ duy nhất là một bọc máu mênh mông (…) Mọi thứ đều bốc cháy: trên sông Volga, chẳng hạn, ngay cả nước cũng bốc lửa. Ngay cả về mùa đông, sông không đóng băng, mà bốc cháy. Ở Stalingrad, không một tấc đất nào không thấm máu”

*\* Kỉ niệm cứu thương của người lính nữ:*

- Các thương binh “bị vùi trong các đống đổ nát, các chiến hào, các hầm bị vùi lấp, các hầm ngầm-họ nhiều đến mức tôi không thể tả. Thật kinh hoàng!”

- Người phụ tá được giao nhiệm vụ “chở các thương binh nặng nhất về đến tận Kazan và Gorki bằng tàu thủy, sà lan”. Họ phải chăm sóc những thương binh ấy, “động viên họ bằng một lời thân ái, một nụ cười, phải canh chừng, bảo vệ họ”. Họ đồng thời cũng phải chứng kiến cái chết của các thương binh

*Chốt ý:* Kỉ niệm ấy đã cho thấy người phụ nữ cũng giống như người đàn ông, họ có thể xông pha nơi chiến tuyến, làm những công việc nặng nhọc mà tưởng chừng họ không thể. Họ đã góp một phần sức lực của mình để làm nên chiến thắng cho Tổ quốc

**2. Những hậu quả chiến tranh để lại với người phụ nữ**

*\* Ám ảnh về cái chết:*

- Giữ vai trò phụ tá, người phụ nữ không ít lần chứng kiến cái chết của thương binh. “Cái chết dưới mắt ta (…) Ta vĩnh biệt anh. Nhưng đấy là tất cả sự cứu giúp ta có thể mang đến cho anh. Những khuôn mặt ấy, tôi vẫn còn tất cả trong kí ức. Tôi nhìn thấy lại họ, tất cả những người con trai ấy, tất cả. Bao năm đã qua mà chỉ ước gì tôi có thể quên được một người, xóa đi một khuôn mặt”

- Với cô, trong mỗi cuộc chiến “hễ bắt đầu kể là tôi phát ốm”, “bên trong chỉ có băng giá, mọi thứ đều run lên. Tôi thấy lại và tôi tưởng tượng: những cơ thể nằm đấy, miệng mở ra, họ kêu lên và không thể kết thúc được tiếng kêu của mình, ruột họ tuôn ra khỏi bụng. Trong đời tôi, tôi nhìn thấy những khúc gỗ bị chặt ít hơn là thấy xác người. Và ghê sợ biết chừng nào!”

*\* Ám ảnh về sự sống:*

- *Phải chấp nhận mùi máu*: “Nó bám theo tôi khắp nơi. Tôi giặt quần áo, tôi nấu ăn, nó vẫn ở đấy...Có ai đó cho tôi một chiếc áo sơ mi nữ màu đỏ, thời thiếu vải ấy là của hiếm. Nhưng tôi không bao giờ mặc vì màu cúa nó khiến tôi buồn nôn. Và khi nhìn thấy thịt gia cầm, cô thấy nó “cũng trắng như thịt người”, “mùa hè đến, là tôi có cảm giác chiến tranh sắp nổ ra. Khi mọi thứ bị mặt trời nung nóng lên: cây cối, nhà cửa, nhựa đường, tất cả những cái ấy tỏa một thứ mùi, đối với tôi tất cả đều mùi máu. Tôi có thể ăn hay uống bất cứ thứ gì, không thể xua đi được cái mùi ấy! Ngay những tấm trải giường sạch, khi tôi dọn giường, đối với tôi, ngay cả những tấm trải giường ấy cũng có mùi máu…”

- *Phải chấp nhận thành kiến*:

+ Sau cuộc chiến, người phụ nữ cùng chồng trở về với gia đình. Nhưng cô không ngờ mình “vấp phải sự lăng nhục, tiếng chửi, những lời xúc phạm”. Người mẹ chồng đã không hài lòng về cô, “bà mẹ kéo con trai bà vào bếp và vừa nói vừa khóc: “Con đã cưới đứa nào vậy? Một nữ binh…Con có hai đứa em gái. Còn ai muốn lấy chúng bây giờ?”

+ Khi cô nghe bài hát yêu thích nhất lúc ra chiến trường - bài hát về một cô gái đã ra trận, cô ngay lập tức bị người chị gái của chồng đập vỡ chiếc đĩa hát, ý muốn nói rằng, cô không có quyền gì hết, thậm chí, những người trong gia đình đó đã hủy hết những bức ảnh chiến tranh của cô.

*Chốt ý:* Giờ đây người phụ nữ phải chiến đấu với một cuộc chiến tranh khác. Đó là cuộc chiến giải thoát khỏi những ám ảnh dai dẳng, khỏi sự kì thị từ cộng đồng, thậm chí còn là cuộc đấu tranh với bệnh tật để đòi lại sự sống… Cuộc chiến ấy cũng vô cùng ác liệt mà họ phải tự chống chọi. Đây chính là hậu quả dai dẳng mà chiến tranh để lại cho người phụ nữ. Svetlana Alexievich đã nhìn thấy nó như một góc khuất mà trước đây người ta lãng quên mất. Điều này ta gặp ở một số tác phẩm văn học sau năm 1975 của văn học Việt Nam, như *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh), *Bến không chồng* (Dương Hướng)…Tất cả đều đã khám phá chiến tranh một cách toàn diện, không còn chỉ ngợi ca cái hào hùng, bi tráng mà còn dám nhìn thẳng vào những mất mát đau thương, hậu quả lâu dài của nó. Vì vậy mà quá khứ mỗi quốc gia và cả thế giới hiện lên toàn vẹn.

**3. Khát khao cuộc sống hòa bình**

\* *Sự ngóng trông về Ngày Chiến thắng:*

- Cứ vào ngày này, giọt nước mắt lại tuôn trào trong lòng người lính cũ, bởi họ nhớ về cái chết, nhớ về một thời bom đạn khói lửa mình đã từng trải qua, sự sống con người đáng giá hơn bao giờ hết.

- Suốt thời gian cuộc chiến tranh nổ ra, người ta chỉ ước mơ về hòa bình, chỉ ước rằng mình sẽ được sống đến lúc đó: “Ôi! Các cậu ơi, miễn là chúng mình sống được cho đến khi đó. Người ta sẽ hạnh phúc biết bao nhiêu sau chiến tranh! Cuộc sống của họ có được khi đó sẽ hạnh phúc và đẹp đẽ biết bao! Con người sau bao nhiêu đau khổ sẽ biết thương xót nhau. Họ sẽ thương yêu nhau. Nhân loại sẽ thay đổi”. Với người lính, họ không mong gì hơn là cuộc sống tự do, hòa bình, con người sẽ yêu thương nhau thay vì chém giết, hãm hại lẫn nhau.

+ Sau này, khi thời bình, những món đồ chơi chiến tranh như máy bay, xe tăng vẫn được bán rộng rãi, trẻ em rất thích chúng. Nhưng, người lính xưa “không bao giờ mua, không bao giờ đem cho trẻ con đồ chơi chiến tranh”. Một lần, người ta đem đến cho chị một chiếc máy bay cường kích nhỉ và một khẩu tiểu liên bằng nhựa, chị đã ném ngay vào sọt rác. Vì chị hiểu rất rõ về những thứ vũ khí ấy, chúng là thủ phạm gây nên cái chết cho con người, nó quá tàn nhẫn.

*\* Hình ảnh cánh chim:*

- Sau chiến tranh, người lính nữ luôn sợ bầu trời, sợ ngửng mặt lên trời, chị “chỉ sợ nhìn thấy ở đấy một cánh đồng bị cày nát”. Nhưng ở bầu trời ấy “những con quạ châu Âu đã bình an bay qua trên đó…Chim chóc đã chóng quên chiến tranh”.

- Chi tiết cuối truyện để lại ý nghĩa sâu sắc. Cánh chim bay qua bầu trời gợi liên tưởng đến cuộc sống bình yên, không còn khói bom, lửa đạn. Thế giới đã đi qua chiến tranh, đã tìm thấy màu xanh hòa bình của nó, nhưng trong mắt những người từng tham gia chiến trường, họ sống giữa thời bình mà kí ức chiến tranh vẫn ám ảnh mãi mãi. Bầu trời hòa bình ấy như một món quà cho sự hi sinh của họ, thỏa mãn ước nguyện năm xưa của họ. Và cũng chính bầu trời ấy là lời nhắc cho thế hệ về sau biết trân trọng sự sống, biết quý trọng sự tự do, hạnh phúc, hòa bình.

**III. Kết luận:**

**1. Nội dung**:

- Đoạn trích cho thấy kí ức đau thương, kinh hoàng về chiến tranh, sức mạnh và sự hi sinh của người phụ nữ, đồng thời nó còn là tiếng nói khát sống của những người đã từng thử thách mình trước lưỡi hái tử thần. Họ đã truyền tới chúng ta thông điệp về sự sống, cần phải trân trọng sinh mệnh, biết yêu thương nhau nhiều hơn để thôi gây cảnh đổ máu cho nhân loại.

- Đoạn trích mang đậm giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, tiêu biểu cho ngòi bút Svetlana Alexievich.

**2. Nghệ thuật:**

- Lối tự sự giàu chất hiện thực.

- Ngôn ngữ tự nhiên, chân thực, đầy hấp dẫn.

- Xây dựng hình ảnh mang ý nghĩa sâu sắc.